

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Giáo dục Tiểu học**

Tên tiếng Anh: **Primary Education**

Mã ngành: **7140202**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

**Tiền Giang, năm 2023**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>3</b>
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo.....	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo .....	4
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo.....	5
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo .....	6
3. Chuẩn đầu vào .....	6
4. Cấp bằng tốt nghiệp.....	6
<b>PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>6</b>
1. Mục tiêu cụ thể .....	6
2. Chuẩn đầu ra của CTĐT .....	8
2.1. Kiến thức .....	8
2.2. Kỹ năng.....	8
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm .....	8
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	9
<b>PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>9</b>
1. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	9
2. Khung chương trình đào tạo .....	11
3. Mô tả học phần .....	17
4. Sơ đồ đào tạo.....	59
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	59
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy .....	59
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập.....	60
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo.....	61
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo.....	66
10. Thông tin cập nhật .....	66

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo**

1.1. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản

Tiếng Anh: Faculty of Education and Basic Sciences

1.2. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa SP&KHCB

Tiếng Anh: FEBS

1.3. Tên trước đây:

Tiếng Việt: Khoa Sư phạm

Tiếng Anh: Faculty of Education

1.4. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phòng B11, Cơ sở chính (119 Ấp Bắc, P5, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang), Trường ĐHTG.

1.5. Số điện thoại liên hệ: 02733 877 817

E-mail: [kspkhcb@tgu.edu.vn](mailto:kspkhcb@tgu.edu.vn)

Website: <http://fit.tgu.edu.vn/>

1.6. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2021

Khoa SP&KHCB được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHTG ngày 25/01/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTG. Khoa SP&KHCB được thành lập trên cơ sở sát nhập 03 khoa: Khoa Sư phạm, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Khoa học tự nhiên.

Khoa SP&KHCB có 04 bộ môn: Bộ môn Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Bộ môn Khoa học Tự nhiên, Bộ môn Khoa học Xã hội, Bộ môn Ngoại ngữ. Các bộ môn này được thành lập từ ngày 22/02/2021.

Năm 2022, Khoa SP&KHCB tuyển sinh trình độ ĐH 04 ngành học gồm: Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Giáo dục tiểu học, Văn hóa học. Bên cạnh đó, Khoa tuyển sinh 01 ngành đào tạo trình độ Cao đẳng: GDMN.

Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản tiền thân là Khoa Sư phạm, Trường ĐHTG đã thực hiện hơn 17 CTĐT ĐH, cao đẳng sư phạm theo loại hình chính quy, vừa làm vừa học và liên thông. Trong đó: ĐH: 04 CTĐT, Cao đẳng: 12 CTĐT.

Từ năm 2010 đến nay: Khoa xây dựng mối quan hệ hợp tác với các cơ sở GDMN của các huyện thị trong tỉnh có sử dụng nguồn nhân lực GVMN. Đặc biệt, Khoa đã xây dựng được 08 trường mầm non vệ tinh để gửi SV đến thực hành thường xuyên và thực tập tại thực tiễn cơ sở GDMN, tổ chức cho SV tham gia xây dựng công trình công ích như xây dựng môi trường học tập cho trẻ ở trường mầm non.

Năm 2021: Thực hiện Đề án tổ chức bộ máy Trường ĐHTG giai đoạn 2021-2025, Trường ĐHTG đã giải thể Khoa Sư phạm và thành lập Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản trên cơ sở sát nhập 03 khoa: Khoa Sư phạm, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Khoa học tự nhiên.

## **2. Thông tin về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học cập nhật, chỉnh sửa năm 2023 được xây dựng trên cơ sở Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang và tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong nước hiện đang đào tạo ngành GDTH; Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; quy định về kiểm định, đánh giá, tự đánh giá chương trình đào tạo.

CTĐT được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Chương trình được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/lần vào theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng cường ứng dụng, thực hành, gia tăng sự kết nối, tích hợp giữa các môn học, các nội dung học tập đảm bảo phù hợp với yêu cầu của xã hội và ngành giáo dục. Qua mỗi lần rà soát, CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến GDTH nói riêng và của ngành giáo dục nói chung. Tài liệu học tập được cập nhật phù hợp. Đề cương chi tiết (ĐCCT) của CTĐT đầy đủ thông tin tường minh để người học và các bên liên quan dễ tiếp cận.

CTĐT được điều chỉnh năm 2023 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học của trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam. CTĐT đặc biệt quan tâm tới đảm bảo chất lượng, hướng tới sự đầu tư chuyên sâu của giảng viên, đảm bảo sự đóng góp của mỗi học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học góp phần phát triển các năng lực cho sinh viên và vận dụng trong công tác dạy học sau này ở cấp tiểu học; thúc đẩy tinh thần tự học, sáng tạo, chủ động trong việc học tập, rèn luyện, phát triển các kỹ năng cho bản thân. Tài liệu giảng dạy được lựa chọn đảm bảo tính cập nhật, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tự học đối với mỗi học phần trong CTĐT. Việc rèn nghề, thực hành nghề nghiệp của sinh viên được chú trọng trong đào tạo trên cơ sở khai thác sự phối hợp, hỗ trợ tối đa của các cơ sở giáo dục tiểu học trong và ngoài tỉnh; chú trọng các môn học tiềm năng cho việc phát triển năng lực hội nhập quốc tế, các kỹ năng xã hội cần đối với giảng viên tiểu học như: ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp.

Chương trình đào tạo ngành GDTH có tổng số tín chỉ (TC) của chương trình là 215 TC, với tổng số TC phải tích lũy tối thiểu là 125 TC. Trong đó, khối kiến thức đại cương là 66 TC; khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 149 tín chỉ. Trong đó Khối kiến thức cơ sở ngành là 16 TC; khối kiến thức ngành là 71 TC; khối kiến thức Chuyên sâu/Bổ trợ là 44 TC; khối Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp là 18 TC. So với các CTĐT trước đó, tổng số TC tích lũy tối thiểu đáp ứng yêu cầu hoàn thành CTĐT GDTH của khóa tuyển sinh 2023 được điều chỉnh thành 04 năm học cũng với 126 TC; nội dung và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của các HP cũng được cập nhật và cải tiến để giúp SV có thể đạt được các CĐR đã được công bố. Đây là sự cải tiến dựa trên xu thế phát triển của xã hội và mong muốn của người học.

### **2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo**

- Tên chương trình đào tạo: Đại học Giáo dục tiểu học

- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: **Giáo dục Tiểu học**

+ Tiếng Anh: **Primary Education**

- Mã ngành: 7140202

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Cử nhân Giáo dục Tiểu học**

+ Tiếng Anh: **Bachelor of Primary Education**

- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học các Trường đại học trong nước gồm: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Đồng Tháp; Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại

học Cần Thơ, Trường Đại học An Giang, Trường Đại học Đà Nẵng.

## **2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo**

Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học chất lượng cao, có năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc tại các trường tiểu học, các cơ sở giáo dục và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất, đạo đức nhà giáo, có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ nhân dân, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu tầm nhìn, sứ mệnh của Trường Đại học Tiền Giang là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao theo định hướng ứng dụng.

## **3. Chuẩn đầu vào**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

## **4. Cấp bằng tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

# **PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **1. Mục tiêu cụ thể**

### **1.1. Kiến thức**

PO01: Có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, pháp luật, quốc phòng, an ninh, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục thể chất; có hiểu biết cơ bản về bản sắc văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam bộ nói riêng và Việt Nam, ASEAN nói chung.

PO02: Có kiến thức cơ sở ngành để phục vụ trực tiếp cho các học phần phương pháp dạy học; Có kiến thức khoa học chuyên ngành để phục vụ hoạt động giảng dạy và giáo dục ở tiểu học.

PO03: Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý hoạt động giảng dạy và giáo dục ở tiểu học.

PO04: Có kiến thức về tin học và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của ngành.

### **1.2. Kỹ năng**

PO05: Có năng lực sáng tạo ra những cách làm mới nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao. Có đủ sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; có khả năng khởi nghiệp.

PO06: Có kỹ năng phản biện, phê phán, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động dạy học, giao tiếp và nghiên cứu chuyên ngành; Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện công việc của nhóm; Kỹ năng

truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong các hoạt động nghề nghiệp.

PO07: Có năng lực thiết kế các kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học, giáo dục và đặc điểm trình độ nhận thức của người học; tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt động tập thể thông qua dạy học các môn học ở tiểu học;

PO08: Có năng lực đánh giá và nghiên cứu, vận dụng vào hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học giáo dục ở tiểu học; phân tích, đánh giá sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập và xác định được những nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh;

PO09: Sử dụng linh hoạt, hiệu quả và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp các phương pháp dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế. Thực hiện hiệu quả và hỗ trợ đồng nghiệp các biện pháp hỗ trợ, tư vấn học đường ở trường tiểu học.

PO10: Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học tiểu học, sử dụng một số phần mềm thông dụng để đánh giá kết quả dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học giáo dục; sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### **1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

PO11: Có phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân. Có phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp.

PO12: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

PO13: Có khả năng nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; hiểu được ý nghĩa cuộc sống để hướng đến hạnh phúc, có trách nhiệm với xã hội. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, quản lý và thực hiện kế hoạch học tập chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm một cách hiệu quả.

### **1.4. Vị trí nghề nghiệp**

- Giáo viên dạy học tại các trường tiểu học trong nước.
- Có thể trở thành cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

### **1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.**

- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành giáo dục tiểu học, quản lý giáo dục, khoa học giáo dục và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo ở trong và ngoài nước.

- Có khả năng thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

## **2. Chuẩn đầu ra của CTĐT**

### **2.1. Kiến thức**

K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

K02: Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, chương trình các môn học giáo dục phổ thông (bậc tiểu học), phát triển chương trình nhà trường làm nền tảng để thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục ở tiểu học.

K03: Lựa chọn các kiến thức ngành và chuyên ngành, khoa học tự nhiên, xã hội để lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý hoạt động giảng dạy và giáo dục ở tiểu học.

K04: Vận dụng kiến thức về lí luận dạy học, phương pháp và kỹ thuật dạy học các môn học ở tiểu học, phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn và đánh giá học sinh tiểu học.

K05: Vận dụng kiến thức về môi trường giáo dục, mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội để tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục ở tiểu học.

### **2.2. Kỹ năng**

S01: Thực hiện các kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; đánh giá chất lượng công việc.

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

S03: Đánh giá kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục ở tiểu học.

S04: Vận dụng các kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để kịp thời điều chỉnh và tổ chức các hoạt động giáo dục.

S05: Phân tích được các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học để xác định phương án giải quyết phù hợp.

### **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

A01: Tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

A02: Giải thích việc tự định hướng và kết luận chuyên môn thực hiện có hiệu quả các hoạt động liên quan đến giáo dục tiểu học và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.

A03: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

### 3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x												
PO02		x	x	x									
PO03		x	x	x	x								
PO04	x												
PO05						x		X	x	x			
PO06						x		X	x	x			
PO07						x		X	x	x			
PO08						x		X	x	x			
PO09						x		X	x	x			
PO10							x						
PO11											x	x	x
PO12											x	x	
PO13											x	x	

*Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.*

### PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Cấu trúc chương trình đào tạo

##### 1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **197**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **125**

*(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).*

## 1.2. Cấu trúc chương trình

ST T	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27	4	31	24,8
2	Kiến thức cơ sở ngành	16	0	16	12,8
3	Kiến thức ngành	50	2	52	41,6
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	0	14	14	11,2
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	6	0	6	4,8
6	Khoá luận/Chuyên đề	0	6	6	4,8
<b>Tổng cộng</b>		<b>99</b>	<b>26</b>	<b>125</b>	<b>100%</b>

\* Khối kiến thức giáo dục đại cương, gồm 23 học phần. Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Việt Nam, Tiếng Anh và giáo dục thể chất để người học vận dụng được những kiến thức đó vào lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.

\* Khối kiến thức cơ sở ngành, gồm 08 học phần. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp người học có kiến thức vững chắc về nhập môn nghề giáo viên Tiểu học, đặc điểm sinh lý học trẻ em, tâm lý học đại cương, tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm, về giáo dục học đại cương, lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở tiểu học để người học vận dụng được những kiến thức đó vào lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường tiểu học một cách phù hợp nhất.

\* Khối kiến thức ngành, gồm 33 học phần. Khối kiến thức ngành giúp người học có được kiến thức chuyên môn toàn diện ứng dụng vào dạy học các môn học ở tiểu học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học, đồng thời người học phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

\* Kiến thức chuyên sâu/ bổ trợ, gồm 22 học phần. Khối kiến thức chuyên sâu/ bổ trợ giúp cho người học hiểu và vận dụng được các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh; người học có khả năng ứng dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học cho học sinh ở trường tiểu học.

\* Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, gồm 03 học phần. Khối kiến thức này giúp cho người học phân tích, vận dụng được các kiến thức một cách toàn diện vào phương pháp dạy học để nâng cao năng lực dạy học, giáo dục đa dạng cho học sinh, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học.

## 2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>						<b>11</b>	<b>11</b>		
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
<b>1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật</b>						<b>18</b>	<b>4</b>		
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
<b>Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
05032	Cơ sở văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á	30					2	2	
05102	Đại cương về Văn học Việt Nam	30					2		
06022	Lịch sử văn minh thế giới	15	30				2		
15362	Kỹ năng giao tiếp	15	30				2		
05052	Kỹ năng mềm	15	30				2		
15562	Văn học dân gian thiếu nhi	15	30				2		
99382	Thi pháp văn học dân gian	15	30				2		
15572	Văn học viết thiếu nhi	15	30				2		
<b>1.3. Ngoại ngữ</b>									
<b>1.3.1. Học phần điều kiện (*)</b>						<b>6</b>	<b>6*</b>		
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
<b>1.3.2. Học phần tích lũy</b>						<b>12</b>	<b>12</b>		
08024	English 1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024+
08044	English 3	60					4	4	08034+
<b>1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường</b>						<b>13</b>	<b>4</b>		
08722	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán	15	30				2	2	
<b>Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3	2	
11902	Con người và môi trường	30					2		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
03572	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	15	30				2		
15422	Cơ sở toán học của dạy học giải toán tiểu học	15	30				2		
15222	Giáo dục môi trường và vệ sinh, an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học	15	30				2		
<b>1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)</b>									
<b>1.5.1. Giáo dục thể chất</b>							<b>9</b>	<b>3*</b>	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
<b>Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
<b>Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
<b>1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>							<b>165 tiết</b>		
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương</b>							<b>54</b>	<b>31</b>	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>2.1. Cơ sở ngành</b>							<b>16</b>	<b>16</b>	
17062	Sinh lý học trẻ em	15	30				2	2	
15002	Nhập môn nghề giáo viên Tiểu học	15	30				2	2	
15062	Tâm lý học đại cương	15	30				2	2	
15183	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	30	30				3	3	15062 <sup>+</sup>
15292	Giáo dục học đại cương	15	30				2	2	15062 <sup>+</sup>
15063	Lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học	30	30				3	3	15292 <sup>+</sup>
15461	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1			30			1	1	
15471	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2			30			1	1	
<b>2.2. Ngành</b>							<b>65</b>	<b>52</b>	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
05512	Tiếng Việt thực hành (tiểu học)	15	30				2	2	
05472	Tiếng Việt 1	15	30				2	2	
05482	Tiếng Việt 2	15	30				2	2	05472 <sup>+</sup>
05492	Tiếng Việt 3	15	30				2	2	05482 <sup>+</sup>
08002	Toán học 1	15	30				2	2	
08102	Toán học 2	15	30				2	2	08002 <sup>+</sup>
08112	Toán học 3	15	30				2	2	08102 <sup>+</sup>
18002	Tự nhiên - Xã hội 1	15	30				2	2	
18012	Tự nhiên - Xã hội 2	15	30				2	2	18002 <sup>+</sup>
18062	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	15	30				2	2	
18142	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học	15	30				2	2	
18152	Lý luận dạy học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	15	30				2	2	
05722	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1	15	30				2	2	18062 <sup>+</sup>
15312	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2	15	30				2	2	05722 <sup>+</sup>
08852	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	15	30				2	2	18142 <sup>+</sup>
08862	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2	15	30				2	2	08852 <sup>+</sup>
18392	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	15	30				2	2	18152 <sup>+</sup>
00352	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học	15	30				2	2	
18102	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở Tiểu học	15		30			2	2	
18112	Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	15	30				2	2	
15382	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục	15	30				2	2	15062 <sup>+</sup>
18132	Phát triển chương trình Tiểu học	15	30				2	2	
18092	Đánh giá hoạt động học tập ở Tiểu học	15	30				2	2	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
18122	Giáo dục hòa nhập ở Tiểu học	15	30				2	2	
18752	Tổ chức dạy học tích hợp trong trường tiểu học	15	30				2	2	
<b>Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>							<b>15</b>	<b>2</b>	
18733	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	15		60			3	2	
18672	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	15		60			3		
18742	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	15		60			3		
12822	Phương pháp dạy học Giáo dục thể chất ở Tiểu học	15		30			2		
15142	Phương ngữ và dạy học chính tả	15	30				2		
18762	Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học	15	30				2		08862+
<b>2.3. Chuyên sâu/Bổ trợ</b>							<b>44</b>	<b>14</b>	
<b>Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b>							<b>16</b>	<b>4</b>	
18772	Giáo dục STEM ở tiểu học	15	30				2	4	
12712	Kỹ năng thiết kế tổ chức các hoạt động Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	15		30			2		
15342	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	15	30				2		
18712	Sinh hoạt chuyên môn ở trường Tiểu học	15	30				2		
18782	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	15	30				2		
15402	Tư vấn tâm lý cho học sinh tiểu học	15	30				2		
18722	Thiết kế đồ dùng dạy học	15	30				2		
15242	Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong trường Tiểu học	15	30				2		15063+
<b>Chọn tự do 7 (tích lũy tối thiểu 4 TC) - Nhóm PPDH Tiếng Việt tiểu học</b>							<b>12</b>	<b>4</b>	
15272	Phát triển kỹ năng dạy học văn miêu tả	15	30				2	4	15312+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
15032	Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học	15	30				2		15312+
18792	Phát triển kỹ năng viết cho học sinh tiểu học	15	30				2		15312+
18802	Phát triển kỹ năng đọc cho học sinh tiểu học	15	30				2		15312+
18812	Phát triển kỹ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học	15	30				2		15312+
18822	Phát triển kỹ năng nghe – nói cho học sinh tiểu học	15	30				2		15312+
<b>Chọn tự do 8 (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b> <b>- Nhóm PPDH Toán tiểu học</b>							<b>10</b>	<b>4</b>	
18842	Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học	15	30				2		08862+
18852	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học	15	30				2		08862+
18892	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học	15	30				2	4	08862+
18902	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học	15	30				2		08862+
18912	Phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh tiểu học	15	30				2		08862+
<b>Chọn tự do 9 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b> <b>- Nhóm PPDH TNXH ở tiểu học</b>							<b>6</b>	<b>2</b>	
18862	Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và xã hội	15	30				2		18392+
18872	Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học	15	30				2	2	18392+
18882	Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lý	15	30				2		18392+
<b>2.4. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế, Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</b>							<b>18</b>	<b>12</b>	
<b>2.4.1. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế</b>							<b>6</b>	<b>6</b>	
18602	Thực tập sư phạm 1				90		2	2	
18614	Thực tập sư phạm 2				180		4	4	18602+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
<b>2.4.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</b>							<b>12</b>	<b>6</b>	
<b>Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)</b>									
<b>Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)</b>									
18692	Chuyên đề dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	15	30				2	6	15312+
18682	Chuyên đề dạy học Toán ở Tiểu học	15	30				2		08862+
18702	Chuyên đề dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	15	30				2		18392+
<b>Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)</b>									
18676	Khoá luận tốt nghiệp					360	6	6	
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							<b>143</b>	<b>94</b>	
<b>Số tín chỉ tổng cộng: 197 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 125 TC</b>									

**Các ký hiệu và viết tắt:**

(\*) *Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khoá học (các học phần General English 1, General English 2) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.*

(\*\*) *Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.*

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- *ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.*

- *TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.*

- *TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.*

- *HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)*

- *HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)<sup>+</sup>*

### **3. Mô tả học phần:**

#### **3.1. Triết học Mác - Lênin (00033)**

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Triết học Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; có khả năng nhận thức, phân tích và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế, chính trị, xã hội đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

#### **3.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (01202)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành được tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện được bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

### **3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 00, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (01202)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và vận dụng các tri thức khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị-xã hội của đất nước; hình thành thái độ, tư tưởng chính trị đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và ra sức học tập, rèn luyện góp phần xây dựng đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

### **3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, phân tích, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

[4]. Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, 2005.

### **3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (03022)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên hiểu được những tri thức có tính hệ thống của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, vận dụng kiến thức để xem xét, đánh giá, phản biện những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, , *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.

[3]. Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995-2018.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết, *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

### **3.6. Pháp luật đại cương (71012)**

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Pháp luật đại cương, sinh viên biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022.

[2]. Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.7. Cơ sở văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á (05032)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á, người học biết và vận dụng được các nội dung cơ bản về: Văn hóa học và văn hóa Việt Nam và văn hoá các nước Đông Nam Á; Văn hóa nhận thức; Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Tân Đắc chủ biên (2010), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB Khoa học Xã hội, TP HCM.

+ Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### **3.8. Đại cương về Văn học Việt Nam (05102)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Học phần Đại cương về Văn học Việt Nam, người học có những hiểu biết bao quát về: Văn học dân gian Việt Nam; Văn học viết Việt Nam; Một số tác phẩm văn học Việt Nam có trong chương trình tiểu học. Từ đó, người học có khả năng cảm thụ văn học; cảm thụ được cái hay, cái đẹp của tiếng mẹ đẻ và vận dụng chúng vào việc dạy các bài đọc, kể cho học sinh tiểu học trong tương lai.

- Tài liệu chính:

+ Vũ Anh Tuấn (chủ biên) (2014), *Giáo trình Văn học dân gian*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

+ Lã Nhâm Thìn (2015), *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam – (tập 1,2)*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

+ Trần Đăng Suyền – Lê Quang Hưng (Đồng chủ biên) (2020), *Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

+ Nguyễn Văn Long (Chủ biên) (2022), *Văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

+ Trần Văn Minh (Chủ biên) (2017), *Văn học Việt Nam 1945 - 2000*, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.

### **3.9. Lịch sử văn minh thế giới (06022)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Lịch sử văn minh thế giới, người học lĩnh hội kiến thức khái quát về lịch sử văn minh thế giới, đặc điểm và một số thành tựu: lịch sử thế giới: Lịch sử cổ đại, Lịch sử trung đại, lịch sử thế giới cận đại, lịch sử thế giới hiện đại (1945 -2000). Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức để xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học một số môn học ở tiểu học.

- Tài liệu chính: Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2018), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB GDVN.

### 3.10. Kỹ năng giao tiếp (15362)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học trình bày khái niệm kỹ năng giao tiếp, đặc điểm và phân loại kỹ năng giao tiếp. Vai trò của kỹ năng giao tiếp đối với sinh viên đại học. Hướng dẫn sinh viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản: Kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp; Kỹ năng nói chuyện và trình bày báo cáo bằng miệng; Kỹ năng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn; Kỹ năng tiến hành các hội nghị và các cuộc họp; Kỹ năng giao tiếp ở quy mô nhóm và tổ chức; Một số vấn đề trong giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau; Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam; Giao tiếp qua điện thoại..

- Tài liệu chính:

+ Trần Trọng Thủy (2019), *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

+ Nguyễn Văn Hùng (2022), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Tài chính.

+ Trần Thanh Nguyên (2022), *Tài liệu giảng dạy Kỹ năng giao tiếp*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Tiền Giang.

- Tài liệu tham khảo:

+ Knud S. Larsen – Lê Văn Hảo dịch (2015), *Tâm lý học xuyên văn hóa*, NXB ĐHQG Hà Nội.

+ Niamh O’Keeffe (Lê Hồng Phương Hạ dịch) (2018), *Stepping up 4.0(Nhà quản lý 4.0)*, NXB Lao động.

+ Wiley Blackwell – Acacia C. Parks – Stephen M. Schueller (Cánh Diều và cộng sự dịch) (2021), *Tâm lý học tích cực*, NXB ĐHQG Hà Nội.

### 3.11. Kỹ năng mềm (05052)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học trình bày khái niệm kỹ năng mềm, đặc điểm và phân loại kỹ năng mềm. Vai trò của kỹ năng mềm đối với sinh viên đại học. Hướng dẫn sinh viên rèn luyện các kỹ năng cơ bản: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tư duy sáng tạo.

- Tài liệu chính:

+ Huỳnh Văn Sơn chủ biên (2017), *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

+ Hoàng Đức Bảo (2023), *Soft Skills kỹ năng mềm - chìa khóa để thành công*, NXB Đại học Huế.

- Tài liệu tham khảo:

+ Wiley Blackwell – Acacia C. Parks – Stephen M. Schueller (Cánh Diều và cộng sự dịch) (2021), *Tâm lý học tích cực*, NXB ĐHQG Hà Nội.

+ Phạm Thành Nghị (2013), *Tâm lý học sáng tạo*, NXB ĐHQG Hà Nội.

+ Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà, Trịnh Thúy Giang (2014), *Giáo trình chuyên đề: Giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học sư phạm.

+ Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương pháp giáo dục giá trị kỹ năng sống*, NXB Đại học sư phạm.

### **3.12. Văn học dân gian thiếu nhi (15562)**

- Số tín chỉ: 2TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong Học phần *Văn học dân gian thiếu nhi*, người học sẽ tìm hiểu các khái niệm, đặc điểm và thể loại trong những sáng tác văn học của tập thể nhân dân lao động. Môn học gồm 2 chương: Chương 1: Truyện cổ dân gian: Cung cấp kiến thức về các thể loại truyện cổ dân gian Việt Nam như thần thoại, truyện cổ tích, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn, truyện cười ở các phương diện khái niệm, giá trị nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa giáo dục đối với học sinh Tiểu học. Chương 2: Thơ ca dân gian: Cung cấp kiến thức về các thể loại thơ ca dân gian như tục ngữ, câu đố, ca dao ở các phương diện khái niệm, giá trị nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa giáo dục đối với học sinh Tiểu học. Đặc biệt, môn học chú trọng đến các tác phẩm văn học dân gian dành cho học sinh Tiểu học cũng như giá trị giáo dục thiếu nhi.

- Tài liệu chính:

+ Vũ Anh Tuấn (chủ biên), Phạm Thu Yên, Nguyễn Việt Hùng, Phạm Đăng Xuân Hương (2016), *Giáo trình Văn học dân gian*, NXBGDVN.

+ Lê Đức Luận (2017), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Bích Hà (2012), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Bùi Mạnh Nhị (chủ biên) (2008), *Văn học dân gian - những tác phẩm chọn lọc*, NXB Giáo dục.

+ Bùi Mạnh Nhị (chủ biên) (2008), *Văn học dân gian - những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục.

### **3.13. Thi pháp văn học dân gian (99382)**

- Số tín chỉ: 2TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội những kiến thức về thi pháp học và thi pháp một số thể loại văn học dân gian trong chương trình Tiểu học. Trọng tâm của học phần gồm hai chương: Chương 1: Một số vấn đề về thi pháp học: sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm thi pháp, thi pháp học và các bình diện nghiên cứu thi pháp học như quan niệm nghệ thuật về con người, thời gian, không gian, cốt truyện, kết cấu, ngôn ngữ nghệ thuật. Chương 2: Một số vấn đề dạy học văn học dân gian ở Tiểu học: sinh viên tìm hiểu đặc trưng thi pháp các thể loại văn học dân gian như truyện cổ tích, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ và phân tích những tác phẩm của các thể loại ấy từ góc nhìn thi pháp học. Từ những kiến thức trên, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần để giảng dạy những phân môn Tiếng Việt trong chương trình Tiểu học sau khi ra trường.

- Tài liệu chính:

+ Lê Đức Luận (2023), *Giáo trình Thi pháp văn học dân gian*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

+ Nguyễn Xuân Đức (2003), *Những vấn đề thi pháp văn học dân gian*, NXB Khoa học xã hội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bùi Thanh Truyền (chủ biên) (2009), *Thi pháp trong văn học thiếu nhi*, NXB GDVN.

+ Nguyễn Xuân Kính (2009), *Thi pháp ca dao*, NXB GDVN.

### **3.14. Văn học viết thiếu nhi (15572)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần *Văn học viết thiếu nhi*, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi có liên quan đến chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học. Trọng tâm của học phần được giới thiệu qua 2 chương: Chương 1: Văn học thiếu nhi Việt Nam: sinh viên được tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của các tác giả tiêu biểu như Tô Hoài, Võ Quảng, Phạm Hồ, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Huy Tưởng, Đoàn Giỏi. Chương 2: Văn học thiếu nhi nước ngoài: khái quát cho sinh viên về văn học thiếu nhi nước ngoài và các tác giả tiêu biểu: Tago, Anđecxen, H.Malo, L.Tonxtoi. Từ những kiến thức trên, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần để giảng dạy những phân môn Tiếng Việt trong chương trình Tiểu học sau khi ra trường.

- Tài liệu chính:

+ PGS.TS Vân Thanh (chủ biên) (2019), *Văn học Thiếu nhi Việt Nam một số vấn đề về tác phẩm và thể loại*, NXB ĐHQGHN.

+ Lã Thị Bắc Lý (2015), *Văn học thiếu nhi trong nhà trường*, NXB Giáo Dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Hoàng Văn Cẩn (2005) – *Dạy học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi*, tập 1 – NXB GD.

+ Tô Hoài (2020), *Tuyển tập văn học viết cho thiếu nhi*, tập 1,2,3,4, NXB Kim Đồng.

+ Phạm Hồ (2019), *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng.

+ Võ Quảng (2019), *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng.

+ Trần Đăng Khoa (2005), *Tuyển tập thơ Trần Đăng Khoa*, NXB Văn học

+ Đoàn Giỏi (1998), *Đất rừng phương Nam*, NXB Văn học.

+ Nguyễn Huy Tưởng (1998), *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, NXB Văn học.

### **3.15. English 1 (08024)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 2 (08012)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần English 1, sinh viên hiểu cách dùng câu điều kiện loại 2 (second conditional), câu chỉ điều ước (I wish ...), thì quá

khứ hoàn thành, câu tường thuật, và câu bị động (của thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và tương lai đơn). Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến lễ hội đặc biệt, các địa điểm tham quan du lịch, môi trường, thảm họa tự nhiên, tội phạm và sự xuất bản và rèn luyện kỹ năng viết một bài luận văn, email và một lá thư thông thường.

- Tài liệu chính:

+ Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book. 2<sup>nd</sup> Edition*. Oxford University Press.

+ Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook. 2<sup>nd</sup> Edition*. Oxford University Press.

### **3.16. English 2 (08034)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 1 (08024)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần English 2, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing và mệnh đề quan hệ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến quân áo, thời trang và công việc, miêu tả một bức hình, tường thuật một sự kiện và trả lời phỏng vấn xin việc. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một lá thư thân mật, viết đơn xin việc, và tường thuật một sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

- Tài liệu chính:

+ Tim Falla, Paula Davies, (2012), *Solutions Pre-Intermediate Student's Book. 2<sup>nd</sup> Edition*. Oxford University Press.

+ Tim Falla, Paula Davies, (2012), *Solutions Pre-Intermediate Workbook. 2<sup>nd</sup> Edition*. Oxford University Press.

### **3.17. English 3 (08044)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 2 (08044)

- Mô tả: Học phần English 3 là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về cách dùng câu điều kiện (first conditional, second conditional), động từ khiếm khuyết “must, mustn't và needn't”, câu chỉ điều ước (I wish ...), thì quá khứ hoàn thành, câu tường thuật, và câu bị động (của thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và tương lai đơn). Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến lễ hội đặc biệt và các địa điểm tham quan du lịch, môi trường, thảm họa tự nhiên, tội phạm và sự xuất bản.

- Tài liệu chính:

+ Tim Falla, Paula Davies, (2012), *Solutions Pre-Intermediate Student's Book. 2<sup>nd</sup> Edition*. Oxford University Press.

+ Tim Falla, Paula Davies, (2012), *Solutions Pre-Intermediate Workbook. 2<sup>nd</sup> Edition*. Oxford University Press.

### **3.18. Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán (08722)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học được lĩnh hội những kiến thức về thống kê cơ bản: biến, thu thập và trình bày dữ liệu, các loại biểu đồ, xu thế, đường fit, mô tả và phân tích dữ liệu, thiết kế mẫu, dự báo và mô phỏng, các loại phân bố. Từ đó người học biết cách thức thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, nắm được ý nghĩa của những thuật ngữ thống kê, hiểu được giá trị của thống kê đối với nghiên cứu khoa học cũng như đối với đời sống thực tiễn.

- Tài liệu chính: Nguyễn Cao Văn (chủ biên) (2018), *Lý thuyết xác suất và thống kê*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

### **3.19. Tin học ứng dụng cơ bản (30053)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Tin học ứng dụng cơ bản, sinh viên có thể vận dụng được các kỹ năng Công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin quy định tại Điều 2 Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11 tháng 03 năm 2014 bao gồm: Hiểu biết về Công nghệ thông tin cơ bản, Sử dụng máy tính cơ bản, Xử lý văn bản cơ bản, Sử dụng bảng tính cơ bản, Sử dụng trình chiếu cơ bản và Sử dụng Internet cơ bản. Qua học phần này, sinh viên nhận biết được các năng lực số (Digital Literacy) cơ bản để giao tiếp, học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường số.

- Tài liệu chính: Khoa Công nghệ thông tin (2017), *Bài giảng Tin học ứng dụng cơ bản*, Trường Đại học Tiền Giang.

### **3.20. Con người và môi trường (11902)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Con người và Môi trường, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về môi trường đương đại toàn cầu, nguyên nhân và hậu quả của: sự phát triển dân số, hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người, sự ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu; phân tích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, các vấn đề môi trường ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay; hình thành thái độ tích cực về mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và môi trường, thể hiện được ý thức và năng lực hành động trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, vận động người khác cùng tham gia bảo vệ môi trường sống.

- Tài liệu chính:

+ Bộ môn Khoa học môi trường, Trường Đại học Tiền Giang (2014), *Tập bài giảng Con người và môi trường*.

+ Đinh Đức Trường (2021), *Giáo trình Môi trường và Con người*, Nhà xuất bản Tài Chính.

### **3.21. Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (03572)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức chung về ứng dụng CNTT và ứng dụng của nó trong giáo dục, sinh viên có khả năng ứng dụng CNTT để giải quyết một số vấn đề trong giáo dục và định hướng việc ứng dụng CNTT phù hợp theo nhu cầu.

- Tài liệu chính:

+ Từ Minh Phương (chủ biên) (2017), *Nhập môn trí tuệ nhân tạo*, NXB Thông tin và truyền thông.

+ Hoàng Thị Lan Giao (chủ biên) (2018), *Giáo trình trí tuệ nhân tạo*, NXB ĐH Huế.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bernard Mark (2021) (biên dịch Huỳnh Hữu Tài), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để dẫn đầu*, NXB Văn hoá – Văn nghệ.

### **3.22. Cơ sở toán học của dạy học giải toán tiểu học (15422)**

- Số tín chỉ: 2TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức tổng quan về cơ sở của việc hình thành các khái niệm toán học, các kí hiệu toán học và các phép suy luận thường dùng trong quá trình dạy học toán ở bậc tiểu học, những cơ sở của mạch kiến thức các yếu tố hình học ở Tiểu học, cơ sở toán học của ba tập hợp số, cơ sở toán học của một số phương pháp giải toán ở Tiểu học, sử dụng chúng như một công cụ để soi sáng nội dung chương trình toán ở trường tiểu học, biếtsư phạm hoá việc dạy học Toán, chỉ ra cách hiểu đúng bản chất các khái niệm cơ bản, các nội dung được giới thiệu trong môn Toán tiểu học, giúp sinh viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, thông hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Toán, có khả năng giải quyết một cách hiệu quả những tình huống xuất hiện trong quá trình dạy học toán ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Dương Minh Thành (chủ biên), Nguyễn Việt Khoa, Phan Lê, Nguyễn Anh Tuấn,...(2022), *Cơ sở Toán ở Tiểu học 1, 2*, NXB ĐHSPTP.HCM.

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Thị Châu Giang (2016), *Cơ sở toán học của việc dạy học Toán ở tiểu học*, NXB Đại học Vinh.

+ Trần Diên Hiên (chủ biên) (2018), Nguyễn Thủy Chung, *Cơ sở toán học của môn Toán tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.23. Giáo dục môi trường và vệ sinh, an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học (15222)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về môi trường và an toàn thực phẩm, người học thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm phù hợp với học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Minh Giang (2016) - *Giáo dục môi trường ở Tiểu học* (Dùng cho giáo viên và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học), NXBGD.

+ Thái Lâm Toàn (2019) - *Cẩm nang vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học và những biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm*, NXBDân Trí.

### **3.24. Thể dục và điền kinh (12371)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thể dục Điền kinh, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng: Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra sinh viên còn được rèn luyện các bài tập bổ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Anh Tuấn, *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2018.

### **3.25. Bóng chuyền 1 (12391)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Bóng chuyền 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

### **3.26. Cầu lông 1 (12401)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Cầu lông 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

### **3.27. Đá cầu 1 (12271)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Đá cầu 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; sinh viên được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021.

### **3.27. Bóng rổ 1 (12411)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Bóng rổ 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TDTT, Hà Nội, 2020.

### **3.29. Bóng chuyền 2 (12441)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyền 1 (12391)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Bóng chuyền 2, sinh viên hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyền làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

### **3.30. Cầu lông 2 (12481)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cầu lông 1 (12401)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Cầu lông 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

### **3.31. Đá cầu 2 (12281)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Đá cầu 1 (12271)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Đá cầu 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021.

### **3.32. Bóng rổ 2 (12281)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Bóng rổ 1 (12411)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Bóng rổ 2, sinh viên hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; sinh viên rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TĐTT, Hà Nội, 2020.

### **3.33. Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)**

Thực hiện theo chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

### **3.34. Sinh lý học trẻ em (17062)**

- Số tín chỉ: 2TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, sinh viên lĩnh hội được hệ thống tri thức khoa học cơ bản về khoa học sinh lý lứa tuổi tiểu học, cụ thể: sự sinh trưởng và phát triển, hệ thần kinh, cơ quan phân tích, bộ máy vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết, hệ sinh dục, hệ nội tiết, sự trao đổi chất và năng lượng, hoạt động thần kinh cấp cao. Trên cơ sở đó giúp người học phân tích, đánh giá mức độ phát triển sinh lý trẻ cũng như vận dụng kiến thức đã học vào thực tế dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Lê Thanh Vân (2019), *Giáo trình sinh lý học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Tạ Thuý Loan, Trần Thị Loan (2017), *Giáo trình sinh lý học trẻ em*-NXB Đại học Sư phạm.

### **3.35. Nhập môn nghề giáo viên Tiểu học (15002)**

- Số tín chỉ: 2TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được bản chất, đặc

trung, yêu cầu của nghề giáo ở tiểu học; tính chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo viên tiểu học, đặc điểm lao động, các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên tiểu học trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó giúp người học xác định những mặt mạnh và mặt yếu của bản thân, định hướng, quyết định việc học tập và tu dưỡng bản thân theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Tài liệu tham khảo: Đặng Vũ Hoạt - Phó Đức Hòa (2021), *Giáo dục học Tiểu học I*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.36. Tâm lý học đại cương (15062)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30,0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những vấn đề cơ bản về khoa học tâm lý: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý. Phân tích sự phát triển tâm lý con người thông qua hoạt động, giao tiếp. Phân tích sự phát triển các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ. Giải thích được tình cảm và các quy luật tình cảm của con người. Định hướng người học tìm hiểu khái niệm nhân cách, cấu trúc nhân cách, lập kế hoạch phát triển nhân cách.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Tứ (chủ biên) (2019), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP TP.HCM.

- Tài liệu tham khảo:

+ Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Tâm lý học đại cương*, NXB Công an nhân dân.

+ Nguyễn Quan Uẩn, Trần Trọng Thủy (2004), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ Nguyễn Ngọc Bích (2004), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Giáo dục.

+ Robert J. Sternberg (1999), *Cognitive psychology* (second edition, Harcourt Brace).

### **3.37. Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (15183)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương (15062)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học phân tích được đặc trưng sự phát triển tâm lý của học sinh ở lứa tuổi Tiểu học. Xác định bản chất tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục học sinh tiểu học. Định hướng sự hình thành và phát triển nhân cách của người giáo viên ở trường Tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Lý Minh Tiên, Nguyễn Thị Tứ (chủ biên) (2016)- *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Lê Văn Hồng-Lê Ngọc Lan- Nguyễn Văn Thành (2008), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB Thế giới, Hà Nội.

+ Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên) (2008), *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

### **3.38. Giáo dục học đại cương (15292)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30,0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương (15062)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học tìm hiểu đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu Khoa học Giáo dục, các phạm trù cơ bản của Khoa học Giáo dục và xu hướng phát triển của giáo dục Việt Nam và trên thế giới. Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Lý luận cơ bản về dạy học và giáo dục. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục và những con đường giáo dục cơ bản trong nhà trường: dạy học, tổ chức các hoạt động lao động, xã hội, tập thể, vui chơi và nghiên cứu khoa học.

- Tài liệu chính:

+ Trần Thị Hương (chủ biên) (2022), *Giáo dục học đại cương*, NXB ĐHSP TP.HCM.

+ Phan Hồng Vinh (chủ biên) (2022), *Giáo dục học*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

+ Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

### **3.39. Lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học (15063)**

- Số tín chỉ: 3TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Giáo dục học đại cương (15292)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học phân tích được bản chất và cấu trúc của quá trình giáo dục, hệ thống các nguyên lý, nguyên tắc giáo dục, nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục học sinh Tiểu học, công tác chủ nhiệm. Hướng dẫn sinh viên xác định bản chất, cấu trúc của quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá học sinh Tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ TS. Lê Thị Hoài Lan (2021), *Giáo trình Lý luận dạy học và lý luận giáo dục*, NXB Đại học Thái Nguyên.

+ Nguyễn Hữu Hợp (2021), *Lý luận dạy học Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Đặng Vũ Hoạt - Phó Đức Hòa (2021), *Giáo dục học Tiểu học I*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2019), *Lý luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học*, NXB Đại Học Sư Phạm.

### **3.40. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 (15461)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học phân tích và thực hành các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: kỹ năng phát âm, sửa lỗi phát âm và kỹ

năng trình bày chữ viết trên giấy và bảng. Phân tích các bước lập kế hoạch dạy học và giáo dục.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thủy (2020), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

+ Dương Giáng Thiên Hương, Vũ Thị Lan Anh, Ngô Vũ Thu Hằng, Quản Hà Hưng, Nguyễn Thị Phương (2021), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Tiểu học*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Module GVPT 04: Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*.

### **3.41. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 (15471)**

- Số tín chỉ: 1TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học rèn luyện phương pháp học tập, rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, đặc biệt khi giao tiếp với học sinh, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp. Hướng dẫn sinh viên tổ chức hoạt động trải nghiệm bao gồm: sinh hoạt chủ nhiệm, chào cờ và hướng nghiệp và đánh giá năng lực học sinh.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thủy (2020), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

+ Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Anh Phước, Vũ Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Hải Thiên (2021), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Martin Krenzel (Ngân Hà dịch) (2017), *Đại học hay học “đại”*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

+ Bob Smale, Julie Fowlie (2021), *Để thành công ở trường đại học: Phát triển, hoàn thiện kỹ năng cá nhân và kỹ năng học thuật*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

+ Nguyễn Văn Lữ, Lê Quang Sơn (2017), *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

+ Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2020), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng Nghiệp THCS, THPT (Theo Chương trình Giáo dục Phổ thông mới)*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Công văn 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19/8/2019, hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021*.

### **3.42. Tiếng Việt thực hành (tiểu học) (05512)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được các kiến thức cơ bản về: quy tắc mẹo luật chính tả; cách thức sử dụng từ ngữ, viết câu, đoạn; cách thức tóm tắt tài liệu khoa học, tổng thuật tài liệu khoa học, trình bày thư mục, chú thích khoa học, soạn thảo văn bản hành chính thông dụng. Qua đó, phát triển và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học như phát hiện và phòng tránh lỗi diễn đạt; tóm tắt, tổng thuật tài liệu khoa học; soạn thảo văn bản hành chính thông dụng; có thể vận dụng để chữa lỗi diễn đạt cho học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga (2022), *Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành*, NXB Đại học sư phạm.

+ Nguyễn Quang Ninh (2013), *Tiếng Việt thực hành A*, NXB Đại học Huế.

### **3.43. Tiếng Việt 1 (05472)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về Đại cương về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, Bản chất và chức năng của ngôn ngữ, Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu, Phân loại ngôn ngữ, Ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ và ngôn ngữ học vào việc dạy tiếng Việt ở tiểu học.

- Tài liệu chính: Lê A (chủ biên), Đỗ Xuân Thảo (2021), *Giáo trình Tiếng Việt 1*, NXB ĐHSP.

### **3.44. Tiếng Việt 2 (05482)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Điều kiện tiên quyết:

+ Học phần học trước: Tiếng Việt 1 (05472)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những nội dung về Ngữ âm học Tiếng Việt (Ngữ âm và ngữ âm học, Các đơn vị ngữ âm, Âm tiết tiếng Việt, Hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại, Một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường), Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Việt (Đơn vị từ vựng, Hệ thống từ vựng). Qua đó, người học có khả năng nhận diện, phân tích, giải thích các đơn vị Ngữ âm học Tiếng Việt, Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Việt và vận dụng chúng vào dạy học phần Tiếng Việt ở tiểu học.

- Tài liệu chính: Lê A (Chủ biên) - Đỗ Xuân Thảo - Lê Hữu Tĩnh (2021), *Giáo trình Tiếng Việt 2*, NXB ĐHSP.

### **3.45. Tiếng Việt 3 (05492)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tiếng Việt 2 (05482)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được kiến thức về Ngữ pháp Tiếng Việt và Phong cách học. Học phần gồm 2 phần: Phần 1: Ngữ pháp Tiếng Việt (Một số vấn đề đại cương về ngữ pháp, Từ loại tiếng Việt, Cụm từ, Câu, Ngữ pháp văn bản), Phần 2: Phong cách học (Phong cách chức năng

ngôn ngữ, Các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ). Từ đó, người học có khả năng vận dụng Ngữ pháp Tiếng Việt và lý thuyết phong cách học vào việc dạy học bộ môn Tiếng Việt ở nhà trường tiểu học.

- Tài liệu chính: Lê A (chủ biên), Phan Phương Dung, Đặng Kim Nga (2021), *Giáo trình Tiếng Việt 3*, NXB ĐHSP.

### 3.46. Toán học 1 (08002)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được các kiến thức nền tảng của toán học: lý thuyết tập hợp (chú ý mô tả trực quan qua giản đồ Venn), các loại ánh xạ (chú trọng đến vấn đề tương quan hàm số), quan hệ hai ngôi trong toán học (chủ yếu trên các tập hợp số), phép suy luận và logic mệnh đề, một số phương pháp suy luận và chứng minh toán học,... Qua đó phát triển năng lực tư duy và giao tiếp toán học cho người học như xây dựng lập luận, phát hiện và diễn đạt các ý tưởng toán học,...

- Tài liệu chính:

+ Dương Minh Thành (chủ biên), Nguyễn Việt Khoa, Phan Lê, Nguyễn Anh Tuấn,...(2022), *Cơ sở Toán ở Tiểu học 1,2*, NXB ĐHSP TPHCM.

- Tài liệu tham khảo:

+ Dương Minh Thành, Trần Hoàng, Nguyễn Ngọc Trọng (2016), *Cơ sở Toán ở Tiểu học 1*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trần Diên Hiền, Nguyễn Thủy Chung (2015), *Cơ sở Toán học của môn Toán ở Tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

+ Trần Diên Hiền, Nguyễn Xuân Liêm (2007), *Cơ sở Lý thuyết Tập hợp và Logic Toán*, Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, Nhà xuất bản Giáo dục.

### 3.47. Toán học 2 (08012)

- Số tín chỉ: 2TC (15, 30,0, 0, 0)

- Học phần học trước: Toán học 1 (08002)

- Mô tả: Học phần bao gồm các kiến thức về cấu trúc, tiến trình xây dựng các hệ thống số cơ bản ( $N, Z, Q, R$ ) và phép toán; mở đầu về lý thuyết số: lý thuyết chia hết trong  $N$  và  $Z$ , số nguyên tố, ước số, bội số, mô hình dành cho số nguyên, số hữu tỉ... Qua đó, hình thành hiểu biết cho người học về tiến trình xây dựng hệ thống số, tính chất của các con số; hình thành và phát triển một số kỹ năng và tư duy toán học như tính toán số học, xây dựng mô hình, so sánh, tổng quát hóa, đối xứng hóa,...

- Tài liệu chính:

+ Dương Minh Thành (chủ biên), Nguyễn Việt Khoa, Phan Lê, Nguyễn Anh Tuấn,...(2022), *Cơ sở Toán ở Tiểu học 1, 2*, NXB ĐHSP TPHCM.

- Tài liệu tham khảo:

+ Trần Diên Hiền, Nguyễn Thủy Chung (2015), *Cơ sở Toán học của môn Toán ở Tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

+ Trần Diên Hiền, Bùi Huy Hiền (2007), *Các tập hợp số*, Dự án phát triển

*giáo viên Tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

+Nguyễn Tiên Tài (2005), *Cơ sở Số học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

### **3.48. Toán học 3 (08033)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Toán học 2 (08012)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được một số tri thức toán học về đại số và hình học sơ cấp, đại lượng đo lường và đo đạc, làm cơ sở cho việc giảng dạy toán ở tiểu học: biểu thức đại số; phương trình, hệ phương trình, bất phương trình; đa giác; khối đa diện; hình tròn và hình cầu... Qua đó phát triển tư duy đại số, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng mô hình hóa và phương pháp đại số, phát triển trí tưởng tượng và trật tự trong không gian, rèn luyện tư duy hình học, tăng cường hiểu biết về hệ thống đo lường và cách thức áp dụng trong giảng dạy toán ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Dương Minh Thành (chủ biên), Nguyễn Việt Khoa, Phan Lê, Nguyễn Anh Tuấn,...(2022), *Cơ sở Toán ở Tiểu học 1,2*, NXB ĐHSPTP HCM.

- Tài liệu tham khảo:

+ Trần Diên Hiền, Nguyễn Tiên Tài (2016), *Giáo trình Lý thuyết số*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

+ Hoàng Xuân Sính(2015), *Đại số đại cương*, Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam.

+ Trần Diên Hiền, Nguyễn Thủy Chung (2016), *Cơ sở toán học của môn Toán tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

### **3.49. Tự nhiên - Xã hội 1 (18002)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được kiến thức cơ bản về Vật lý (Thiên văn, Vật chất, Năng lượng) và Sinh học (giới sinh vật, sinh học động vật, sinh học thực vật) có liên quan trực tiếp đến nội dung học tập Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học. Trên cơ sở đó, người học có năng lực và ý thức trong việc phát triển năng lực khoa học cho học sinh thông qua hoạt động dạy học môn Tự nhiên – Xã hội.

- Tài liệu chính: Nguyễn Thị Thán (chủ biên) – Tạ Đức Dũng – Đào Thị Hồng – Trần Thị Hà Giang (2016), *Giáo trình Cơ sở Tự nhiên và xã hội*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.50. Tự nhiên - Xã hội 2 (18012)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tự nhiên – Xã hội 1 (18002)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những tri thức cơ bản về đời sống xã hội Việt Nam và thế giới: lịch sử xây dựng, gìn giữ, phát triển của đất nước và dân tộc Việt Nam, các tổ chức cơ bản của cộng đồng, xã hội, các giá trị và hoạt động cơ bản của con người trong xã hội. Trên cơ sở đó,

người học vận dụng để nhận diện, giải thích, đánh giá một số tổ chức và hoạt động cần thiết của con người trong xã hội ngày nay.

- Tài liệu chính: Nguyễn Thị Thân (chủ biên) – Tạ Đức Dũng – Đào Thị Hồng – Trần Thị Hà Giang (2016), *Giáo trình Cơ sở Tự nhiên và xã hội*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.51. Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (18062)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những tri thức cơ bản về bộ môn LLDH TV, cơ sở khoa học của việc dạy học TV ở TH, Chương trình, SGK và các tài liệu dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, nguyên tắc và phương pháp dạy học TV ở TH, thiết bị và phương tiện dạy học TV TH, thiết kế bài dạy môn Tiếng Việt TH. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để tổ chức tốt các hình thức và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

- Tài liệu chính: Hoàng Thị Tuyết (2011), *Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, Nhà xuất bản ĐHSP. TP.HCM.

### **3.52. Lý luận dạy học Toán ở tiểu học (18142)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học tìm hiểu về quá trình dạy học môn Toán ở trường tiểu học, kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo phát triển các năng lực trí tuệ và quá trình hình thành nhân cách của học sinh tiểu học. Học phần giúp người học nghiên cứu để làm rõ bản chất và các quy luật của quá trình dạy học môn Toán ở tiểu học. Phát hiện các đặc điểm cơ bản của quá trình dạy học môn Toán làm cơ sở để lựa chọn phương pháp dạy học nhằm đạt hiệu quả cao nhất theo mục tiêu đặt ra, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

- Tài liệu chính: Lê Thị Tuyết Trinh - Trần Trung (chủ biên), Phạm Thị Kim Châu, Nguyễn Thị Trúc Minh, Lê Duy Cường, Nguyễn Thị Kiều (2020), *Lý luận dạy học Toán ở tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3.53. Lý luận dạy học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học (18152)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những tri thức cơ bản về bộ môn LLDH Tự nhiên và xã hội, cơ sở khoa học của việc dạy học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học, Chương trình, SGK và các tài liệu dạy học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học, nguyên tắc và phương pháp dạy học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học, thiết bị và phương tiện dạy học Toán tiểu học, thiết kế bài dạy môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để tổ chức tốt các hình thức và phương pháp dạy học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học.

- Tài liệu chính: Dương Huy Cận (chủ biên) (2020), *Lý luận dạy học Tự nhiên xã hội*, NXB Đại học Cần Thơ.

### **3.54. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1 (05722)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (18062)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1, người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về: (1) Phương pháp dạy đọc, (2) Phương pháp dạy viết chữ, (3) Phương pháp dạy chính tả ở Tiểu học. Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2, Phương pháp phát triển kỹ năng viết cho học sinh tiểu học, Phương pháp phát triển kỹ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học, Phương pháp phát triển kỹ năng nói và nghe cho học sinh tiểu học, Phương pháp phát triển kỹ năng đọc cho học sinh tiểu học.... Đồng thời, học phần còn trang bị cho người học kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt môn Tiếng Việt ở Tiểu học sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn.

- Tài liệu chính: Lê Phương Nga; Lê A; Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.55. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2 (15312)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1 (05722)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, sinh viên có được các kiến thức và kỹ năng cơ bản về: (1) Phương pháp dạy sử dụng từ-câu ở Tiểu học, (2) Phương pháp dạy nghe nói ở Tiểu học, (3) Phương pháp dạy viết văn bản ở Tiểu học. Qua đó, sinh viên (SV) sẽ xác định được mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, sách giáo khoa (SGK), phương pháp, quy trình dạy học viết văn bản, nghe nói, từ và câu ở Tiểu học. Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: Phương pháp phát triển kỹ năng viết cho học sinh tiểu học, Phương pháp phát triển kỹ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học, Phương pháp phát triển kỹ năng nói và nghe cho học sinh tiểu học, Phương pháp phát triển kỹ năng đọc cho học sinh tiểu học.... Đồng thời, học phần còn trang bị cho SV kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt môn Tiếng Việt ở Tiểu học sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn.

- Tài liệu chính: Lê Phương Nga (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.56. Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1 (08852)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán ở tiểu học (18142)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những tri thức cơ bản về lý luận và các phương pháp dạy học toán ở tiểu học, chương trình, sách giáo khoa, cách soạn kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá. Người học có thể vận dụng hiểu biết về chương trình, sách giáo khoa Toán và các phương pháp dạy học toán để thiết kế một kế hoạch dạy học, thực hiện một vài tiết dạy, xây dựng một số câu hỏi kiểm tra đánh giá.

- Tài liệu chính:

+ Trần Ngọc Lan (2019), *Sách - Giáo trình thực hành phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Nguyễn Thị Kiều – Trần Trung (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Minh, Phạm Thị Kim Châu, Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Duy Cường (2020), *Giáo trình phát triển năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Quốc Chung (chủ biên), *Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học (Tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học trình độ cao đẳng và đại học sư phạm)*, NXB đại học sư phạm, NXB Giáo dục, 2007;

+ Nguyễn Thanh Hưng (2008), *Phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Giáo Dục.

+ Phạm Đình Thực, *Phương pháp dạy Toán Bậc Tiểu học (tập 1 và tập 2)*, Tài liệu dành cho giáo viên và phụ huynh học sinh, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm 2003.

### **3.57. Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2 (08862)**

- Số tín chỉ: 2TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1 (08852)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học thực hành soạn thảo kế hoạch dạy học, giảng dạy các nội dung cơ bản về Số học, Đại số, Hình học, Toán có lời văn, Đại lượng, Thống kê. Từ đó, người học hình thành quy trình dạy học các nội dung cơ bản trong chương trình Toán tiểu học, phát triển năng lực phân tích chương trình, sách giáo khoa, vận dụng các phương pháp dạy học trong môn Toán.

- Tài liệu chính:

+ Trần Ngọc Lan (2019), *Sách - Giáo trình thực hành phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Nguyễn Thị Kiều – Trần Trung (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Minh, Phạm Thị Kim Châu, Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Duy Cường (2020), *Giáo trình phát triển năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Quốc Chung (chủ biên), *Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học (Tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học trình độ cao đẳng và đại học sư phạm)*, NXB đại học sư phạm, NXB Giáo dục, 2007;

+ Nguyễn Thanh Hưng (2008), *Phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Giáo Dục.

+ Phạm Đình Thực, *Phương pháp dạy Toán Bậc Tiểu học (tập 1 và tập 2)*, Tài liệu dành cho giáo viên và phụ huynh học sinh, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm 2003.

### **3.58. Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học (18392)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận dạy học Tự nhiên và xã hội ở Tiểu học (18152)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về nội dung chương trình, sách giáo khoa, các PPDH, hình thức tổ chức, các PTDH, đánh giá các Học phần Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí. Từ đó làm cơ sở cho sinh viên tự nghiên cứu, tự học để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, chuẩn bị cho việc dạy học tốt các bài thuộc lĩnh vực TN - XH theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Dương Huy Cận (chủ biên) (2019), *Giáo trình Phương pháp dạy học Tự nhiên xã hội phần A*, NXB Đại học Cần Thơ.

+ Nguyễn Thị Thân (chủ biên) (2021), Nguyễn Thượng Giao, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Tuyết Nga, *Giáo trình Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXB Đại học sư phạm.

### **3.59. Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học (00352)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được các kiến thức cơ bản về đạo đức và việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học: Vị trí, vai trò, mục tiêu, nội dung, bản chất, đặc trưng của việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, người học thực hành các phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học cũng như đánh giá hoạt động lĩnh hội, rèn luyện đạo đức của học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Hữu Hợp (2008), *Giáo trình Đạo đức và phương pháp dạy học môn đạo đức ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Nguyễn Hữu Hợp (chủ biên) (2008), *Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức - Tài liệu đào tạo giáo viên*, NXB. Giáo dục, Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Trọng Dung (chủ biên) (2006), *Giáo trình Đạo đức học Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### **3.60. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở Tiểu học (18102)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được một số kiến thức cơ bản về sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ở tiểu học; giới thiệu một số ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học. Qua đó người học sử dụng được phần mềm Power Point trong thiết kế và thực hiện các bài dạy ở tiểu học, xử lý phim ảnh, sử dụng bảng tương tác và tích hợp công nghệ thông tin vào bài dạy.

- Tài liệu chính:

+ Trần Đức Thuận (2016), *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài liệu tham khảo:

+ Đỗ Mạnh Cường (2008), *Giáo Trình Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3.61. Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học (18112)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội một số kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ. Từ những hiểu biết đó, người học có khả năng thiết kế và tổ chức những hoạt động trải nghiệm sáng tạo như: vui chơi - giải trí, văn hóa - nghệ thuật, tiếp cận khoa học, hoạt động xã hội,... thông qua các hình thức tổ chức như: sinh hoạt chủ điểm, sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt câu lạc bộ.

- Tài liệu chính:

+ Lê Thị Mỹ Trà (chủ biên) (2018), *Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

+ Nguyễn Thị Hương Liên (2017), *Giáo trình Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

+ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2019), *Tài liệu tập huấn Hướng dẫn thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

### **3.62. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục (15382)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương (15062)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học giáo dục; quá trình thực hiện một đề tài khoa học trong lĩnh vực Giáo dục; các phương pháp nghiên cứu khoa học; cách nhận xét, đánh giá và phản biện một đề tài khoa học; thực hành đề tài nghiên cứu khoa học gắn với chuyên ngành đào tạo.

- Tài liệu chính:

+ Vũ Cao Đàm (2014), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

+ Hồ Sỹ Thắng (Chủ biên) (2020), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

### **3.63. Phát triển chương trình Tiểu học (18132)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những hiểu biết cơ bản về chương trình môn học tiểu học: quan điểm, mục tiêu, cách thức xây dựng và phát triển chương trình học; giới thiệu một số chương trình trên thế giới trong sự so sánh với chương trình tiểu học hiện hành. Qua việc phân tích

chương trình kết hợp với các tài liệu dạy học như sách giáo khoa, sách tham khảo, người học thảo luận các ý tưởng, biết thiết kế kế hoạch dạy học và phát triển các tài liệu dạy học theo chương trình.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Đức Chính (chủ biên), Vũ Lan Hương, Phạm Thị Nga (2018), *Phát triển chương trình giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.

+ Đỗ Xuân Thảo- Nguyễn Hữu Hợp (2019), *Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB ĐHSP.

### **3.64. Đánh giá hoạt động học tập ở Tiểu học (18092)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những tri thức thiết yếu về đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học: Cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá trong giáo dục tiểu học, các công cụ kiểm tra đánh giá, xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá. Trên cơ sở đó, hình thành và phát triển cho người học năng lực thiết kế và thực hiện các nhiệm vụ đánh giá chính yếu trong phạm vi lớp học tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Vũ Thị Phương Anh, Hoàng Thị Tuyết (2015), *Giáo trình Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ GD&ĐT (2014), *Thông tư 30/TT-BGDĐT*.

+ Bộ GD&ĐT (2016), *Thông tư 22/TT-BGDĐT*.

+ Bộ GD&ĐT (2021), *Thông tư 27/ TT-BGDĐT*.

### **3.65. Giáo dục hòa nhập ở Tiểu học (18122)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập, các mô hình, nguyên tắc, phương pháp và quy trình dạy học hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt; những đặc trưng cơ bản của một số dạng khuyết tật của HS và phương pháp hỗ trợ cho từng đối tượng trong môi trường trường học hoà nhập. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng các kiến thức đã học để thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Bộ GD&ĐT (2016), *Giáo dục hoà nhập, trình độ đại học đào tạo giáo viên tiểu học*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên tiểu học.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ GD&ĐT (2008), *Giáo trình Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học*, NXBGD.

+ Nguyễn Xuân Hải (2009), *Giáo dục trẻ khuyết tật*, NXBGDVN.

### **3.66. Tổ chức dạy học tích hợp trong trường tiểu học (18752)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về dạy học tích hợp ở tiểu học bao gồm: những khái niệm có liên quan đến dạy học tích hợp, xu thế dạy học tích hợp trên thế giới, các dạng thức tích hợp ở tiểu học, phân biệt sự khác biệt và những đặc trưng cơ bản của dạy học tích hợp và dạy học truyền thống. Trên cơ sở đó sinh viên có thể thiết kế và phân tích các chủ đề tích hợp, thiết kế bài học tích hợp và cách thức tổ chức dạy học tích hợp cho học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Trường ĐHSP HN (2019), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Bộ GD và ĐT (2018), *Tài liệu tập huấn dạy học tích hợp ở trường tiểu học (Dùng cho cán bộ quản lý, giáo viên Tiểu học)*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

### **3.67. Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học (18733)**

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về nội dung chương trình, sách giáo khoa, các PPDH, hình thức tổ chức, các PTDH, đánh giá học sinh trong dạy học Công nghệ ở tiểu học. Từ đó làm cơ sở cho sinh viên tự nghiên cứu, tự học để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, chuẩn bị cho việc dạy học tốt các bài học về Công nghệ theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính: Lê Huy Hoàng (chủ biên), Đặng Huy Giới, Đặng Văn Nghĩa, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Tin học và Công Nghệ theo chương trình Giáo dục phổ thông mới phần Công nghệ*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Tài liệu tập huấn: Sử dụng PPDH và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học Môn Công nghệ (Mô-đun 2.11)*.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Tài liệu tập huấn: Kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực Môn Công nghệ (Mô-đun 3.7)*.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn công nghệ (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.

### **3.68. Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học (18672)**

- Số tín chỉ: 3TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc cho người học, gồm giới thiệu về âm thanh, cao độ âm thanh; những kiến thức về trường độ của âm thanh, tiết tấu - tiết nhịp, quãng, điệu thức - giọng và sơ lược về hợp âm, kỹ năng về đọc nhạc cơ bản; phần 2: Phương pháp dạy học âm nhạc, cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học âm nhạc ở Tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Lê Anh Tuấn (Chủ biên), Đỗ Thanh Hiền, Hồ Ngọc Khải (2021), *Hướng dẫn dạy học môn nghệ thuật tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, Phần âm nhạc*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Phạm Tú Hương (2010), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.69. Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học (18742)**

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức chung về các chuyên ngành mỹ thuật và còn nhằm giúp sinh viên nắm bắt được quy trình giảng dạy môn Mỹ thuật (soạn kế hoạch bài dạy, tiến trình thực hiện một bài dạy trên lớp...).

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Quốc Toàn (chủ biên) (2014), *Giáo trình Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Nghệ thuật cấp tiểu học*; Ban hành theo thông tư số 32, ngày 28/12/2018.

+ Nguyễn Thị Nhung (chủ biên), Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Quỳnh Nga, Ong Thị Quý Nhâm, Nguyễn Khắc Tú, Phạm Văn Thuận, Lê Thuý Quỳnh (2018), *Dạy Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

### **3.70. Phương pháp dạy học Giáo dục thể chất ở Tiểu học (12822)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những khái niệm cơ bản liên quan đến giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học: mục đích, nội dung, các nguyên tắc, hình thức tổ chức, phương tiện và phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, người học có khả năng lựa chọn các nội dung, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp để xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho học sinh ở trường tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Đặng Ngọc Quang (chủ biên), Nguyễn Công Thương (2018), *Hướng Dẫn dạy học môn Giáo dục thể chất tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Nguyễn Tiên Tiến (chủ biên) (2014), *Giáo trình Lý luận và phương pháp giảng dạy học TDTT*, NXB ĐHQG-HCM.

### **3.71. Phương ngữ và dạy học chính tả (15142)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học xác định vai trò của phương ngữ trong mối quan hệ với chính tả cùng việc phân tích những vấn đề hữu quan. Qua đó, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã được cung

cấp vào việc dạy học phương ngữ và chính tả ở bậc tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Trương Thị Thu Vân (2010), *Dạy học Chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ*, Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

+ Lê Phương Nga; Lê A; Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Lê Phương Nga (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.72. Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học (18762)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Toán 2 (08862)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được kiến thức về giải toán ở Tiểu học và một số phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi Toán mới, hiện đại. Đồng thời, học phần cũng học trang bị cho sinh viên kỹ năng và năng lực cần thiết để tổ chức hoạt động dạy - học giải toán ở Tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Trần Diên Hiển (2018), *Giáo trình chuyên đề Bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học*, NXB ĐHSP.

- Tài liệu tham khảo:

+ Trần Diên Hiển (2004), *10 chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán 4-5, Tập 1, 2*, NXB Giáo dục.

+ Nguyễn Thị Kim Thoa (chủ biên), Nguyễn Hoài Anh (2007), *Bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học: Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học*, NXB Giáo dục.

### **3.73. Giáo dục STEM ở tiểu học (18772)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho người học. Trong mỗi bài học theo chủ đề STEM, học sinh được đặt trước một tình huống có vấn đề thực tiễn cần giải quyết liên quan đến các kiến thức khoa học. Trước môn học này sinh viên được trang bị các kiến thức liên quan về Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội..., các kiến thức về dạy học trải nghiệm và dạy học tích hợp. Đây là các kiến thức nền tảng để xây dựng chủ đề giáo dục STEM, thiết kế kế hoạch bài dạy theo định hướng giáo dục STEM. Học phần Giáo dục STEM ở tiểu học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về mô hình giáo dục STEM; phân tích và phát triển các hoạt động STEM nhằm khơi gợi đam mê, giúp học sinh tiếp thu tốt hơn trong các môn học STEM và theo đuổi các ngành nghề có liên quan đến lĩnh vực STEM. Đồng thời học phần còn giúp người học phát triển các ý tưởng dạy học tích hợp các môn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Vũ Như Thu Phương (2019), *Khám phá giáo dục STEM, 10 chủ đề ở tiểu học*, NXB Đại học sư phạm TPHCM.

+ Nguyễn Thị Nga (2018), *Hướng dẫn dạy học theo định hướng STEM ở tiểu học*, NXB Đại học sư phạm TPHCM.

- Tài liệu tham khảo: Nguyễn Văn Biên - Trương Duy Hải (Đồng Chủ biên)- Trần Minh Đức - Nguyễn Văn Hạnh - Chu Cẩm Thơ - Nguyễn Anh Thuận - Đoàn Văn Thược - Trần Bá Trình(2021), *Giáo dục STEM trong nhà trường phổ thông*, NXB GD.

### **3.74. Kỹ năng thiết kế tổ chức các hoạt động đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh (12712)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về lí luận công tác Đội TNTP HCM. Trên cơ sở đó, người học tập luyện để hình thành và phát triển năng lực tổ chức, hoạt động Đội TNTP HCM ở trường tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Bùi Sỹ Tụng (2014), *Giáo trình Công tác Đội Thiếu niên Tiên phong và Nhi đồng Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Hội đồng Đội Trung ương (2015), *Nghi thức Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh*, NXB Kim Đồng

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Minh Quang (chủ biên) (2006), *Phương pháp tổ chức công tác Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học Trình độ Cao đẳng và Đại học Sư phạm*, NXB Giáo dục.

### **3.75. Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học (15342)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về giới tính và những nguyên tắc trong giáo dục giới tính. Trên cơ sở đó giúp người học thiết kế và tổ chức những hoạt động giáo dục giới tính phù hợp với học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Giáo dục giới tính*, NXB GD.

+ Nguyễn Văn Lê – Nguyễn Thị Đoan (1997), *Giáo dục giới tính*, NXB Đại học Quốc Gia – Hà Nội.

### **3.76. Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học (18712)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ; nội dung, các hình thức, phương pháp sinh hoạt chuyên môn (SHCM) của tổ chuyên môn ở trường tiểu học. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, quy trình SHCM dựa trên nghiên

cứu bài học hướng đến phát triển năng lực đội ngũ giáo viên, từ đó ứng dụng vào việc lập kế hoạch và tổ chức buổi SHCM hiệu quả.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Nam Phương - Ngô Vũ Thu Hằng - Nguyễn Hoài Anh (2021)- *Tài liệu hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình GDPT 2018 cấp Tiểu học*-NXB Đại học Sư phạm.

+ Bộ GD&ĐT (2020), *Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học*.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ GD&ĐT (2014), *Kế hoạch số 80/KH – BGDĐT ngày 25/02/2014 về tổ chức thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn trong trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên*.

+ Bộ GD&ĐT (2013), *Tài liệu tập huấn hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn theo hướng lấy học sinh làm trung tâm*.

+ Bộ GD&ĐT (2013), *Tài liệu hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, Tài liệu tập huấn cho Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn trường phổ thông*.

### **3.77. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học (18782)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống và những nội dung cụ thể về giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong các môn học như Tiếng Việt, Đạo đức, Công nghệ, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học và các hoạt động giáo dục ở nhà trường để xây dựng hoặc thay đổi hành vi cho học sinh. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, (2) Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Bùi Thị Thuý Hằng (2010), *Giáo dục Giá trị sống và Kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, tài liệu dùng cho giáo viên tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

### **3.78. Tư vấn tâm lý cho học sinh tiểu học (15402)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học phân tích khái niệm tham vấn – tư vấn tâm lý học đường, quy trình tham vấn – tư vấn, nội dung và hình thức tham vấn – tư vấn tâm lý học đường ở trường Tiểu học. Rèn luyện các kỹ năng tham vấn – tư vấn tâm lý học đường ở trường Tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ ĐHSPT Hà Nội (2017), *Tài liệu tập huấn kỹ năng tham vấn tâm lý*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Quyết định 1876/QĐ-BGDĐT về Chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh*, ngày 19 tháng 01 năm 2018.

+ Lê Thị Thanh Hương (Chủ biên) (2010), *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông- Thực trạng ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế*, NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội.

+ Huỳnh Văn Sơn (2017), *Tâm lý học hướng nghiệp*, NXB Đại học Sư phạm TP.HCM.

### **3.79. Thiết kế đồ dùng dạy học (18722)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về thiết kế và tự làm đồ dùng dạy học. Từ đó, sinh viên vận dụng kiến thức đã học, thực hành thiết kế và tự làm đồ dùng dạy học phục vụ giảng dạy trong chương trình tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thế Hùng (chủ biên) – Nguyễn Thị Nhung (2007), *Giáo trình trang trí tập 3*, Nxb Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Thị Nhung (chủ biên) – Nguyễn Tuấn Cường – Hoàng Đức Dũng – Nguyễn Thị Đông – Trần Thị Vân – Lê Túy Quỳnh (2016), *Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học*, Nxb Giáo dục Việt Nam

+ Phạm Thị Chinh – Trần Tiểu Lâm (2008), *Mỹ thuật*, Nxb Giáo dục.

+ Lương Thị Kim Tuyền – Nguyễn Kim Anh – Vũ Quang Hiếu (2007), *Vẽ trang trí sản phẩm*, Nxb Đại học Sư phạm.

### **3.80. Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong trường Tiểu học (15242)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học (15063)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học phân tích, vận dụng những hiểu biết về quản lý nói chung vào nội dung, cách thức tiến hành quản lý hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh ở trường Tiểu học theo yêu cầu đổi mới, gắn với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Quản lý, lãnh đạo, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường; bản chất của hoạt động quản lý giáo dục, quản lý nhà trường; mục tiêu, chức năng, nguyên tắc, phương pháp, quá trình QLGD, hình thức quản lý giáo dục, quản lý nhà trường; thông tin trong quản lý giáo dục. Trình bày khái niệm tổ chức quản

lý hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục hướng đến người học; nội dung tổ chức quản lý hoạt động dạy học và giáo dục hướng đến người học; những vấn đề cần quan tâm khi tổ chức quản lý hoạt động dạy học và giáo dục hướng đến người học ở trường Tiểu học. Công tác kế hoạch và kiểm tra đánh giá trong quản lý hoạt động dạy học và giáo dục ở trường Tiểu học: Trình bày khái niệm, mục tiêu, yêu cầu và trình tự, các loại kế hoạch trong tổ chức quản lý hoạt động dạy học và giáo dục; khái niệm, yêu cầu, nội dung, hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả tổ chức quản lý hoạt động dạy và học ở trường Tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Trần Ngọc Giao (chủ biên) (2014), *Quản lý trường phổ thông*, Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

+ Học viện Quản lý Giáo dục (2020), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông*.

- Tài liệu tham khảo:

+ Chính phủ Việt Nam (2021), *Nghị định 24/2021/NĐ-CP về quản lý trường mầm non và trường phổ thông công lập*.

+ Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2006), *Quản lý giáo dục*, Nhà Xuất bản Đại học sư phạm.

### **3.81. Phát triển kỹ năng dạy học văn miêu tả (15002)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học (15312)

- Mô tả: Sau khi học xong Học phần *Phương pháp phát triển kỹ năng dạy học văn miêu tả*, người học sẽ được củng cố các vấn đề chung về phát triển kỹ năng dạy học văn miêu ở tiểu học đã học ở học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2. Đây là học phần tiếp nối học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1,2 gồm các nội dung cơ bản sau: (1) Những vấn đề chung về dạy học văn miêu tả ở tiểu học, (2) Dạy học văn miêu tả theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh, (3) Tổ chức dạy học văn miêu tả ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Trí (2010), *Dạy học tập làm văn ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* (ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), Hà Nội.

+ Đỗ Ngọc Thống (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHQG TP HCM.

+ Lê Phương Nga; Lê A; Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Lê Phương Nga (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.82. Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học (15032)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học (15312)

- Mô tả: Sau khi học xong Học phần *Phương pháp phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học*, người học sẽ được củng cố các vấn đề chung về phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học ở tiểu học đã học ở học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2. Đây là học phần tiếp nối học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1,2 gồm các nội dung cơ bản sau: (1) Những vấn đề chung về dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học ở tiểu học, (2) Phương pháp dạy tác phẩm văn học ở tiểu học, (3) Tổ chức dạy học dạy tác phẩm văn học ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Trần Mạnh Hưởng (2022), *Luyện tập về cảm thụ văn học ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

+ Hoàng Văn Cận (2005), *Dạy học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi*, NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* (ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), Hà Nội.

+ Đỗ Ngọc Thống (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP TPHCM.

+ Hoàng Hòa Bình (2000), *Dạy văn cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo dục.

+ Nguyễn Trọng Hoàn (2002), *Rèn kỹ năng cảm thụ thơ văn cho học sinh Tiểu học*, NXB Giáo dục.

### **3.83. Phát triển kỹ năng viết cho học sinh tiểu học (18792)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học (15312)

- Mô tả: Sau khi học xong Học phần *Phương pháp phát triển kỹ năng viết cho học sinh tiểu học* người học sẽ được củng cố các vấn đề chung về dạy học viết ở tiểu học đã học ở học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2. Đây là học phần tiếp nối học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1,2 gồm các nội dung cơ bản sau: (1) Một số vấn đề chung về phát triển kỹ năng viết chữ ở tiểu học, (2) Một số vấn đề về phát triển kỹ năng viết chính tả ở tiểu học, (3) Một số vấn đề về phát triển kỹ năng viết sáng tạo – tập làm văn ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Lê A (2014), *Chữ viết và dạy chữ viết ở tiểu học*, NXB ĐHSP Hà Nội.

+ Võ Xuân Hào (2007), *Dạy học chính tả cho học sinh tiểu học theo vùng phương ngữ*, NXB ĐHSP Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* (ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), Hà Nội.

+ Đỗ Ngọc Thống (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP TPHCM.

### **3.84. Phát triển kỹ năng đọc cho học sinh tiểu học (18802)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học (15312)

- Mô tả: Sau khi học xong Học phần *Phương pháp phát triển kỹ năng đọc cho học sinh tiểu học*, người học được nghiên cứu sâu về một số nội dung liên quan đến việc phát triển kỹ năng đọc lưu loát và đọc hiểu cho học sinh tiểu học thể hiện qua chương trình và SGK môn Tiếng Việt, được thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học nhằm phát triển kỹ năng đọc lưu loát và đọc hiểu trong môn Tiếng Việt. Học phần nghiên cứu về các nội dung dạy đọc lưu loát và đọc hiểu cho học sinh tiểu học thể hiện qua phần học âm, vần và tập đọc ở tiểu học, bao gồm những vấn đề: (1) Phương pháp phát triển kỹ năng đọc trong các bài âm, vần; (2) Phương pháp phát triển kỹ năng đọc lưu loát và đọc hiểu các loại văn bản; (3) Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học nhằm phát triển kỹ năng đọc cho học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Đỗ Ngọc Thống (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP TPHCM.

+ Lê Phương Nga (2001), *Dạy Tập đọc ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* (ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), Hà Nội.

+ Lê Phương Nga (2019), *Dạy học môn Tiếng Việt lớp 1,2 theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

### **3.85. Phát triển kỹ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học (18812)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học (15312)

- Mô tả: Sau khi học xong Học phần *Phương pháp phát triển kỹ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học*, người học sẽ được củng cố các vấn đề chung về dạy học từ và câu ở học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2, phát triển kỹ năng sử dụng từ và câu trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Học phần trình bày những vấn đề cơ bản: (1) Một số vấn đề chung về kỹ năng sử dụng từ và câu ở Tiểu học; (2) Các kiểu bài và phương pháp dạy học các kiểu bài từ và câu trong sách giáo khoa Tiếng Việt; (3) Các biện pháp bồi dưỡng hứng thú học tập cho học sinh.

- Tài liệu chính: Chu Thị Thủy An (chủ biên), Chu Thị Hà Thanh (2010), *Dạy học học luyện từ và câu ở tiểu học*, NXB GDVN.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* (ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), Hà Nội.

+ Đỗ Ngọc Thống (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP TPHCM.

+ Nhiều tác giả (2019,2020), *Tài liệu tập huấn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 1, 2*, NXBGD.

### **3.86. Phát triển kỹ năng nghe – nói cho học sinh tiểu học (18822)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học (15312)

- Mô tả: Phương pháp phát triển kỹ năng viết cho học sinh tiểu học là một học phần mang tính tích hợp vừa rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong dạy học tiếng Việt và trong giao tiếp. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe – nói cho học sinh tiểu học theo quan điểm giao tiếp.

- Tài liệu chính:

+ Đỗ Ngọc Thống (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP TPHCM.

+ Nguyễn Trí (2010), *Dạy học học Tập làm văn ở tiểu học*, NXBGD.

- Tài liệu tham khảo :

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018*(ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), Hà Nội.

+ Lê Phương Nga (2019), *Dạy học môn Tiếng Việt lớp 1,2 theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

### **3.87. Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học (18842)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 (08862)

- Mô tả: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cách dạy học phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học. Nội dung giới thiệu khái quát về năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học, cụ thể hoá những thành tố và biểu hiện của năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học trong hoạt động học và giải toán của học sinh, quy trình sử dụng công cụ, phương tiện học toán, một số định hướng dạy học phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học. Từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Kiều – Trần Trung (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Minh, Phạm Thị Kim Châu, Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Duy Cường (2020), *Giáo trình phát triển năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Đỗ Đức Thái (Chủ biên) - Đỗ Tiến Đạt - Nguyễn Hoài Anh - Trần Ngọc Bích - Đỗ Đức Bình - Hoàng Mai Lê - Trần Thuý Ngà, (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Quốc Chung (2018), *Thiết kế bài soạn môn Toán phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.88. Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học (18852)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 (08862)

- Mô tả: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cách dạy học phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học. Nội dung giới thiệu khái quát về năng lực và năng lực toán của học sinh tiểu học, một số thao tác tư duy và phương pháp suy luận trong môn Toán ở tiểu học, cụ thể hoá những thành tố và biểu hiện của năng lực tư duy và lập luận toán học trong hoạt động học toán của học sinh tiểu học; một số định hướng dạy học phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học. Từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Kiều – Trần Trung (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Minh, Phạm Thị Kim Châu, Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Duy Cường (2020), *Giáo trình phát triển năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Đỗ Đức Thái (Chủ biên) - Đỗ Tiến Đạt - Nguyễn Hoài Anh - Trần Ngọc Bích - Đỗ Đức Bình - Hoàng Mai Lê - Trần Thuý Ngà, (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Quốc Chung (2018), *Thiết kế bài soạn môn Toán phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.89. Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học (18892)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 (08862)

- Mô tả: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cách dạy học phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học. Nội dung giới thiệu khái quát về năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học, những thành tố và biểu hiện của năng lực giao tiếp toán học trong hoạt động học và giải toán của học sinh, quy trình giao tiếp toán học, một số định hướng dạy học phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học. Từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Kiều – Trần Trung (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Minh, Phạm Thị Kim Châu, Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Duy Cường (2020), *Giáo trình phát triển năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Đỗ Đức Thái (Chủ biên) - Đỗ Tiến Đạt - Nguyễn Hoài Anh - Trần Ngọc Bích - Đỗ Đức Bình - Hoàng Mai Lê - Trần Thuý Ngà, (2018), *Dạy học phát*

*triển năng lực môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Quốc Chung (2018), *Thiết kế bài soạn môn Toán phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.90. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học (18902)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 (08862)

- Mô tả: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cách dạy học phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học. Nội dung giới thiệu khái quát về năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học, cụ thể hoá những thành tố và biểu hiện của năng lực giải quyết vấn đề toán học trong hoạt động học và giải toán của học sinh, quy trình giải quyết vấn đề toán học, một số định hướng dạy học phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học. Từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Kiều – Trần Trung (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Minh, Phạm Thị Kim Châu, Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Duy Cường (2020), *Giáo trình phát triển năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Đỗ Đức Thái (Chủ biên) - Đỗ Tiến Đạt - Nguyễn Hoài Anh - Trần Ngọc Bích - Đỗ Đức Bình - Hoàng Mai Lê - Trần Thuý Nga, (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Quốc Chung (2018), *Thiết kế bài soạn môn Toán phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.91. Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh tiểu học (18912)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 (08862)

- Mô tả: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cách dạy học phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho HS tiểu học. Nội dung giới thiệu khái quát về năng lực mô hình hóa toán học cho HS tiểu học, cụ thể hoá những thành tố và biểu hiện của năng lực mô hình hóa toán học cho HS tiểu học trong hoạt động học và giải toán của học sinh, quy trình mô hình hóa toán học, một số định hướng dạy học phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho HS tiểu học. Từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Kiều – Trần Trung (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Minh, Phạm Thị Kim Châu, Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Duy Cường (2020), *Giáo trình phát triển năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Đỗ Đức Thái (Chủ biên) - Đỗ Tiến Đạt - Nguyễn Hoài Anh - Trần Ngọc Bích - Đỗ Đức Bình - Hoàng Mai Lê - Trần Thuý Ngà, (2018), *Day học phát triển năng lực môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Quốc Chung (2018), *Thiết kế bài soạn môn Toán phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

### **3.92. Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và xã hội (18862)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học (18392)

- Mô tả: Học phần gồm các nội dung cơ bản sau: Một số vấn đề chung về năng lực dạy học của giáo viên trong dạy học các môn Tự nhiên xã hội ở tiểu học và Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Qua đó giúp người học có các năng lực chuyên môn nghiệp vụ về Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học, gắn với các nội dung cụ thể của môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Mai Sỹ Tuấn (Chủ biên), Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái (2018), *Day học phát triển năng lực môn tự nhiên - xã hội tiểu học*, NXB ĐHSPT.

- Tài liệu tham khảo:

+ Dương Huy Cận (chủ biên) (2019), *Giáo trình Phương pháp dạy học Tự nhiên xã hội phần A*, NXB Đại học Cần Thơ.

+ Nguyễn Thị Thân (chủ biên), Nguyễn Thượng Giao, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Tuyết Nga (2020), *Giáo trình phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXB ĐHSPT.

### **3.93. Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học (18872)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học (18392)

- Mô tả: Học phần gồm các nội dung cơ bản sau: Một số vấn đề chung về năng lực dạy học của giáo viên trong dạy học các môn Tự nhiên xã hội ở tiểu học và Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học ở tiểu học. Qua đó giúp người học có các năng lực chuyên môn nghiệp vụ về Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học ở tiểu học, gắn với các nội dung cụ thể của môn Khoa học ở tiểu học.

- Tài liệu chính:

+ Mai Sỹ Tuấn (Chủ biên), Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái (2018), *Day học phát triển năng lực môn Khoa học tiểu học*, NXB ĐHSPT.

- Tài liệu tham khảo:

+ Dương Huy Cận (chủ biên) (2019), *Giáo trình Phương pháp dạy học Tự nhiên xã hội phần A*, NXB Đại học Cần Thơ.

+ Nguyễn Thị Thân (chủ biên), Nguyễn Thượng Giao, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Tuyết Nga (2020), *Giáo trình phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXB ĐHSPT.

### 3.94. Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lý (18882)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học (18392)

- Mô tả: Học phần gồm các nội dung cơ bản sau: Một số vấn đề chung về năng lực dạy học của giáo viên trong dạy học các môn Tự nhiên xã hội ở tiểu học và Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Qua đó giúp người học có các năng lực chuyên môn nghiệp vụ về Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học, gắn với các nội dung cụ thể của môn Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.

- Tài liệu chính: Nghiêm Đình Vỳ- Lê Thông (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Trang Thanh, Nguyễn Trọng Đức (2018), Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí tiểu học, NXB ĐHSP.

- Tài liệu tham khảo:

+ Dương Huy Cận (chủ biên) (2019), Giáo trình Phương pháp dạy học Tự nhiên xã hội phần A, NXB Đại học Cần Thơ.

+ Nguyễn Thị Thán (chủ biên), Nguyễn Thượng Giao, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Tuyết Nga (2020), Giáo trình phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội, NXB ĐHSP.

### 3.95. Thực tập sư phạm 1 (18602)

- Số tín chỉ: 2 TC (0, 0, 0, 90, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành *Thực tập sư phạm 1*, sinh viên được thực hành các hoạt động tìm hiểu thực tế giáo dục ở các địa phương; quan sát, thảo luận, đánh giá giờ dạy mẫu của giáo viên, các hoạt động chuẩn bị dạy các tiết học, đánh giá kết quả học tập, quan sát việc tổ chức cho học sinh tự học, học nhóm; đánh giá, rút kinh nghiệm các giờ đã dự, các hoạt động giáo dục đã tham quan và quan sát; quan sát các buổi sinh hoạt tập thể, quan sát các hoạt động giáo dục, quan sát các hoạt động ngoài giờ lên lớp, làm bài tập thu hoạch; thực tập giảng dạy một số tiết và chủ động điều khiển một số sinh hoạt tập thể hoặc hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ GD&ĐT (2003), Quyết định 36/2003/QĐ-BGDĐT ban hành Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo Giáo viên phổ thông, mầm non.

+ Kế hoạch và hướng dẫn thực tập Sư phạm của khóa học.

### 3.96. Thực tập sư phạm 2

- Số tín chỉ: 4TC (0, 0, 0, 180, 0)

- Học phần học trước: Thực tập sư phạm 1 (18602)

- Mô tả: Học phần trang bị cho sinh viên các hoạt động thực tập dạy học và giáo dục ở tiểu học như sau: chuẩn bị thực tập sư phạm; lập kế hoạch thực tập dạy học và giáo dục; tổ chức cho giáo sinh tìm hiểu thực tế giáo dục, nghiên cứu khoa học giáo dục, chuẩn bị bài dạy, thiết kế các hoạt động giáo dục; thực hiện việc dự giờ, quan sát các hoạt động giáo dục do giáo viên thực hiện, rút kinh nghiệm giờ dạy và các hoạt động giáo dục. Các hoạt động lên lớp dạy học và rút

kinh nghiệm các giờ dạy; tổ chức các hoạt động giáo dục và rút kinh nghiệm các hoạt động đã thực hiện; hoàn thành bài tập nghiên cứu khoa học giáo dục; tổng kết đánh giá thực tập sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ GD&ĐT (2003), Quyết định 36/2003/QĐ-BGDĐT ban hành Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo Giáo viên phổ thông, mầm non.

+ Kế hoạch và hướng dẫn thực tập Sư phạm của khóa học.

### **3.97. Chuyên đề dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học (18692)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 (15312)

- Mô tả: Học phần góp phần phát triển cho người học một số kỹ năng dạy học Tiếng Việt ở tiểu học từ góc độ ứng dụng ngôn ngữ học chức năng: Vận dụng lí thuyết ngữ nghĩa học vào phát triển kỹ năng đọc hiểu cho học sinh tiểu học; Vận dụng lí thuyết hội thoại vào phát triển kỹ năng nghe nói; Phân tích đánh giá và sử dụng học liệu từ quan điểm dạy học đa phương thức.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Quang Ninh (1998), *Một số vấn đề dạy ngôn bản nói và viết ở Tiểu học theo hướng giao tiếp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

+ Nguyễn Trí, (2008), *Một số vấn đề về dạy hội thoại cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Đỗ Ngọc Thống (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHQG TP HCM

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Các Website có liên quan.

### **3.98. Chuyên đề dạy học Toán ở Tiểu học (18682)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: Phương pháp dạy học Toán 2 (08862)

- Mô tả: Dựa trên chương trình giáo dục phổ thông môn Toán bậc tiểu học và hệ thống phẩm chất, năng lực toán học cần trang bị cho học sinh, học phần sẽ trang bị cho người học cách thức tổ chức dạy học Toán cho học sinh tiểu học theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực. Học phần còn giúp người học phát triển các ý tưởng dạy học Toán, các trò chơi học toán; thảo luận, lí giải trong những tình huống phát sinh trong quá trình dạy học; tìm hiểu, đánh giá và tìm cách giảm thiểu những sai lầm của học sinh, từ đó áp dụng vào việc cải tiến quá trình dạy học môn Toán.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Kiều – Trần Trung (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Minh, Phạm Thị Kim Châu, Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Duy Cường (2020), *Giáo trình phát triển năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Đỗ Đức Thái (Chủ biên) - Đỗ Tiến Đạt - Nguyễn Hoài Anh - Trần Ngọc Bích - Đỗ Đức Bình - Hoàng Mai Lê - Trần Thuý Ngà, (2018), *Day học phát triển năng lực môn Toán ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Quốc Chung (2018), *Thiết kế bài soạn môn Toán phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Nguyễn Thị Châu Giang (2016), *Cơ sở toán học của việc dạy học Toán ở tiểu học*, NXB Đại học Vinh.

+ Dương Minh Thành (chủ biên), Nguyễn Việt Khoa, Phan Lê, Nguyễn Anh Tuấn,...(2022), *Cơ sở Toán ở Tiểu học 1,2*, NXB ĐHSPTPHCM.

### **3.99. Chuyên đề dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học (18702)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội (15392)

- Mô tả: Học phần giúp phát triển ở người học kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học tìm hiểu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội một cách sáng tạo nhằm hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học (nhận biết và giải thích các hiện tượng đời sống một cách khoa học, thiết kế và đánh giá các thí nghiệm khoa học, xử lý và trình bày các thông tin và bằng chứng khoa học,...); năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức khoa học để giải quyết các vấn đề trong đời sống. Bên cạnh đó, học phần cũng hướng dẫn người học cách thức hình thành và phát triển các ý tưởng, thái độ yêu thích khoa học ở học sinh thông qua các hoạt động khám phá thế giới tự nhiên và xã hội bằng cách quan sát và thực nghiệm. Mặt khác, học phần cũng phát triển ở người học kỹ năng xây dựng các dạng bài tập khoa học tích hợp phát triển ngôn ngữ cho học sinh.

- Tài liệu chính:

+ Dương Huy Cận (chủ biên) (2019), *Giáo trình Phương pháp dạy học Tự nhiên xã hội phần A*, NXB Đại học Cần Thơ.

- Tài liệu tham khảo:

+ Mai Sỹ Tuấn (Chủ biên), Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái (2018), *Day học phát triển năng lực môn tự nhiên - xã hội tiểu học*, NXB ĐHSPT.

+ Mai Sỹ Tuấn (Chủ biên), Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái (2018), *Day học phát triển năng lực môn Khoa học tiểu học*, NXB ĐHSPT.

+ Nghiêm Đình Vỳ- Lê Thông (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Trang Thanh, Nguyễn Trọng Đức (2018), *Day học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí tiểu học*, NXB ĐHSPT.

+ Nguyễn Thị Thân (chủ biên), Nguyễn Thượng Giao, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Tuyết Nga (2020), *Giáo trình phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXB ĐHSPT.

### **3.100. Khóa luận tốt nghiệp (18676)**

- Số tín chỉ: 6TC (0, 0, 0, 0, 360)

- Điều kiện tiên quyết: Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

- Mô tả: Học phần này giúp người học làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục ở tiểu học dưới sự hướng dẫn của giảng viên chuyên ngành. Sinh viên tổng hợp được các kiến thức chuyên môn đã học và liên hệ với thực tiễn. Sinh viên còn vận dụng các kỹ năng như điều tra, phân tích, đánh giá và xử lý thông tin giải quyết các vấn đề liên quan từ lý luận đến thực tiễn; năng lực sử dụng công nghệ thông tin và các kỹ thuật trong nghiên cứu; kỹ năng viết và trình bày báo cáo khoa học thể hiện tính trung thực, cần cù, kiên nhẫn, hợp tác và tôn trọng, tuân thủ các nội quy, nguyên tắc trong nghiên cứu.

- Tài liệu tham khảo:

+ Các giáo trình, tài liệu học tập các học phần có liên quan.

+ Tài liệu tham khảo có liên quan nội dung nghiên cứu.

### **3.101. Các học phần điều kiện ngoại ngữ**

#### **a) General English 1 (08004)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi học xong học phần General English 1, sinh viên hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyên động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

#### **b) General English 2 (08012)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1 (08004)

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D).

Sau khi học xong học phần General English 2, sinh viên hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được

cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

#### 4. Sơ đồ đào tạo

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo

#### 5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

#### 6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đề án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Giảng bài</li> <li>- Câu hỏi gợi ý</li> <li>- Trình bày mẫu</li> </ul>
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tranh luận</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Giải quyết vấn đề</li> <li>- Học tập nhóm</li> <li>- Tương tác, phản hồi</li> </ul>
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập kỹ năng</li> <li>- Thực hành, thí nghiệm</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Mô phỏng</li> <li>- Mô hình</li> </ul>
Thực tập (TT)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực tế</li> <li>- Các cuộc thi</li> <li>- Mô phỏng</li> <li>- Mô hình</li> </ul>



TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra													
		Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
		K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
8	Làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>II</b>	<b>Đánh giá cuối kỳ</b>														
1	Kiểm tra viết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Thực hành, vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Thực tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Khóa luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

*Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.*

## 8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

### 8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
1	Trường Tiểu học Thiên Hộ Dương	TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
3	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
4	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
5	Một số trường tiểu học khác trên địa bàn TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	

### 8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

#### a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 400.315 m<sup>2</sup>

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 16,27 m<sup>2</sup>/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 100.911,025 m<sup>2</sup>/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	160	18.146

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	2.147
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	1.045
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	9.810
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	3.879
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	180
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	62	11.276
<b>Tổng:</b>		<b>223</b>	<b>33.663</b>

**b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Giáo dục tiểu học**

STT	Loại phòng học (Phòng thực hành)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	160	18.146	Micro, loa	160	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	160	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	160	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	160	Tất cả học phần
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	2.147	Micro, loa	7	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	7	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	7	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	7	Tất cả học phần
1.2	Phòng học từ	6	1.045	Micro, loa	6	Tất cả học phần

STT	Loại phòng học (Phòng thực hành) 100 - 200 chỗ	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học
				Máy tính, chuột	6	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	6	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	6	Tất cả học phần
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	9.810	Micro, loa	78	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	78	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	78	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	78	Tất cả học phần
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	3.879	Micro, loa	48	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	48	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	48	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	48	Tất cả học phần
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	180	Micro, loa	180	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	180	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	180	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	180	Tất cả học phần
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085	Micro, loa	19	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	19	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	19	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	19	Tất cả học phần
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241	Micro, loa	1	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	1	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	1	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	1	Tất cả học phần
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực	62	11.276	Micro, loa	62	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	62	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	62	Tất cả học phần

STT	Loại phòng học (Phòng thực hành)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học
				Điều khiển thiết bị	62	Tất cả học phần

**Nhận xét chung:** Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đáp ứng yêu cầu quá trình đào tạo ngành CĐSP Giáo dục tiểu học.

### 8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

#### a) Danh sách giảng viên toàn thời gian

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Bùi Quang Thịnh		Tiến sĩ	Khoa học máy tính, công nghệ truyền thông và toán ứng dụng		Giáo dục Tiểu học
2	Nguyễn Minh Quân		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học		Giáo dục Tiểu học
3	Lê Phạm Thị Thu Oanh		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học		Giáo dục Tiểu học
4	Phạm Thanh Nhiệm		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học		Giáo dục Tiểu học
5	Hà Danh Hùng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Tiểu học
6	Phan Thị Minh Diễm		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
7	Nguyễn Thị Hồng Diễm		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
8	Hoàng Thị Hiền		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
9	Nguyễn Ngọc Long		Thạc sĩ	Tin học		Giáo dục Tiểu học
10	Mai Đức Long		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Tiểu học
11	Trần Thị Anh Thư		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Sinh học		Giáo dục Tiểu học
12	Đặng Nguyễn Hoàng Hải		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Giáo dục Tiểu học
13	Nguyễn Trung Ngôn		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Giáo dục Tiểu học

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
14	Lê Thị Diệu Nga		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Giáo dục Tiểu học
15	Nguyễn Thế Hùng		Thạc sĩ	Giáo dục học (Giáo dục thể chất)		Giáo dục Tiểu học
16	Nguyễn Thanh Bình		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Tiểu học

**b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Quang Khải	Trường CĐ Tiền Giang		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Tiểu học
2	Lê Văn Dũng	Phòng GD và ĐT TP Mỹ Tho		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Tiểu học

**c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu:**

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Út	Cố vấn học tập	Cử nhân	Quản lý hành chính	
2	Phan Huy Lâm	Quản lý Cố vấn học tập	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	
3	Trần Thị Trúc Linh	Quản lý phòng TH C32 (MN)	Cử nhân	Mỹ thuật	
4	Nguyễn Ngọc Lan Hương	Quản lý phòng TH C33 (MT)	Thạc sĩ	Mỹ thuật	
5	Lê Anh Vũ	Quản lý phòng TH C34 (AN)	Cử nhân	Âm nhạc	
6	Lê Minh Cúc Phương	Quản lý phòng TH C35(KTCN)	Thạc sĩ	Giáo dục học (Kỹ thuật nữ công)	

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
7	Lý Hồng Nguyệt Quế	Quản lý phòng TH B31 (Múa)	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	
8	Ngô Thị Loan	Quản lý phòng máy	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
9	Lê Anh Khoa	Quản lý phòng máy	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
10	Trần Thị Hồng Diễm	Quản lý CSVC	Thạc sĩ	Quản lý hành chính	

## **9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

### **9.1. Tổ chức thực hiện chương trình**

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Ngoại ngữ: Thực hiện theo Chương trình môn học tiếng Anh trình độ đại học, cao đẳng của Trường Đại học Tiền Giang.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra kỹ năng công nghệ thông tin đối với sinh viên hệ chính quy theo Quyết định số 196/QĐ-ĐHTG ngày 11 tháng 5 năm 2022 và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang.

### **9.2. Phương pháp giảng dạy**

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

## **10. Thông tin cập nhật**

### **10.1. Cơ sở phát triển chương trình**

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội ban hành Luật giáo dục đại học.

- Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018, (2018).

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 Quốc hội ban hành Luật Giáo dục.

- Chính phủ, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, (2019).

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; quy định về kiểm định, đánh giá, tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang.

## **10.2. Thông tin kiểm định:**

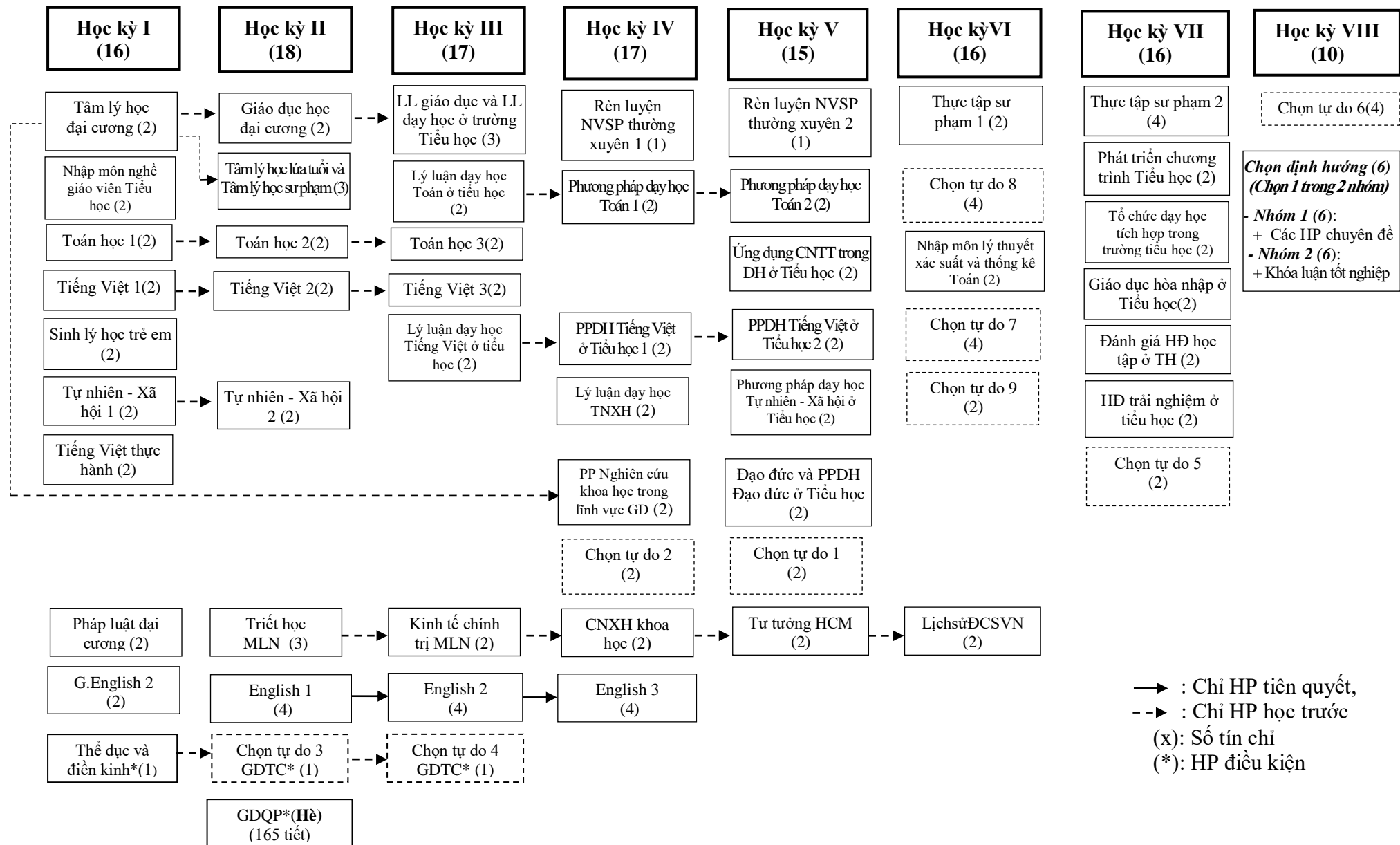
Thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài theo lộ trình tại Kế hoạch số 415/KH-ĐHTG, ngày 12/4/2023 của Trường Đại học Tiền Giang

---

**PHỤ LỤC I:**

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC  
CTĐT ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

### Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Giáo dục Tiểu học



→ : Chỉ HP tiên quyết,  
 --> : Chỉ HP học trước  
 (x): Số tín chỉ  
 (\*): HP điều kiện

**PHỤ LỤC II:**

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA  
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA  
CỦA CTĐT**

**Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
<b>I</b>	1	15062	Tâm lý học đại cương	x	x				x		x		x	x	x	x
	2	15002	Nhập môn nghề giáo viên Tiểu học	x	x			x	x					x	x	x
	3	08002	Toán học 1	x		x			x			x		x	x	x
	4	05472	Tiếng Việt 1	x		x			x		x	x	x	x	x	x
	5	17062	Sinh lý học trẻ em	x		x			x		x	x	x	x	x	x
	6	18002	Tự nhiên - Xã hội 1	x		x			x		x	x	x	x	x	x
	7	05512	Tiếng Việt thực hành (tiểu học)	x		x			x		x		x	x	x	x
	8	71012	Pháp luật đại cương	x					x					x	x	x
	9	12371	Thẻ đục và điền kinh*	x										x	x	x
	10	08012	General English 2*													
<b>II</b>	11	15292	Giáo dục học đại cương	x	x				x		x		x	x	x	x
	12	15183	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm		x				x		x		x	x	x	x
	13	08012	Toán học 2	x		x			x		x	x	x	x	x	x
	14	05482	Tiếng Việt 2	x		x			x		x	x	x	x	x	x
	15	18012	Tự nhiên - Xã hội 2	x		x			x		x	x	x	x	x	x
	16	00033	Triết học Mác-Lênin	x					x		x			x	x	x
	17	08024	English 1							x				x	x	x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
	18		Nhóm học phần chọn tự do 3 (GDTC*)	x		x						x		x	x	x
	19		Giáo dục quốc phòng và an ninh*													
III	20	15063	Lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
	21	18142	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
	22	08112	Toán học 3	x		x			x			x	x	x	x	x
	23	05492	Tiếng Việt 3	x		x			x			x	x	x	x	x
	24	18062	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
	25	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x					x			x			x	x
	26	08034	English 2							x					x	x
	27		Nhóm học phần chọn tự do 4 (GDTC*)	x	x	x						x	x	x	x	x
IV	28	15461	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1			x			x			x	x	x	x	x
	29	08852	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
	30	05722	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
	31	18152	Lý luận dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
	32	15382	Phương pháp NCKH trong lĩnh vực giáo dục	x			x		x				x	x	x	x
	33		Nhóm học phần chọn tự do 2 (Toán-Tin-KHTN-Môi trường)	x		x			x			x	x	x	x	x
	34	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x					x			x			x	x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
	35	08044	English 3							x				x	x	x
V	36	15471	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2			x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
	37	08862	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	38	18102	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở Tiểu học	x				x	x			x	x	x	x	x
	39	15312	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	40	18392	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học		x	x	x		x		x	x	x	x	x	x
	41	00352	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	42		Nhóm học phần chọn tự do 1 (KHXH-Nhân văn-Nghệ thuật)		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	43	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x					x					2	2	2
VI	44	18602	Thực tập sư phạm 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	45		Nhóm học phần chọn tự do 7(Nhóm Phương pháp dạy học Tiếng Việt)		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	46		Nhóm học phần chọn tự do 8 ( (Nhóm Phương pháp dạy học Toán)		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	47	08722	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán	x		x			x			x	x	x	x	x
	48		Nhóm học phần chọn tự do 9 ( (Nhóm Phương		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
			pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội)													
	49	03022	Lịch sử Đảng CSVN	x					x					2	2	2
VII	50	18614	Thực tập sư phạm 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	51	18132	Phát triển chương trình Tiểu học		x			x	x		x	x	x	x	x	x
	52	18752	Tổ chức dạy học tích hợp trong trường tiểu học	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x
	53	18122	Giáo dục hòa nhập ở Tiểu học	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x
	54	18092	Đánh giá hoạt động học tập ở Tiểu học				x	x	x		x	x	x	x	x	x
	55	18112	Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	56		Nhóm học phần chọn tự do 5 (Kiến thức ngành)		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
VIII	57		Nhóm học phần chọn tự do 6 (Nhóm bổ trợ)		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	58	18682	Chuyên đề dạy học Toán ở Tiểu học		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	59	18692	Chuyên đề dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	60	18702	Chuyên đề dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	61B	18676	Khoá luận tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo